

Năm thứ hai - Số 83

Thứ tư

28 Janvier 1942

trilân

tạp chí văn-hóa ra hằng tuần

知 新 雜 誌

TRONG SỐ NÀY :

Những ông nghề triều Lê (IX)	Nguyễn-Văn-Tổ
Tài-liệu đề đình-chính những bài văn cổ (XIV)	Ứng-Hoè
Phê-bình « Lều chông »	Kiều Thanh-Quế
Những ngày lịch-sử tháng Janvier (II)	Long-Điền
Về bài thơ « ông phổng đá »	Tiên-Đàn
Thoát cung vua Mạc (IX)	Chu-Thiên
Tết Táo - quân	Vân-Thạch
Quần-đảo Timor	Nhật-Nham
Tháng chạp, tháng đầy ý-nghĩa chính-trị, kinh-tế và tôn-giáo,...	Hoa-Bằng
Phong-dao chia loại và giải nghĩa (VII)	Hoa-Bằng
Việt-nam văn-học sử (XX)	H. B.

GIÁ BÁO :

mỗi số
15 xu

1 năm 6\$80
6 tháng 3.50
3 tháng 1.80

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE

195, RUE DU COTON, 195

HANOI

Theo quan-niệm thời xưa

Tháng chạp, tháng đầy ý - nghĩa chính-trị, kinh-tê và tôn-giáo

HOA-BẰNG

Cái tháng cuối năm theo âm lịch này không những có một ý nghĩa vô cùng trọng đại đối với cuộc nhân-sinh hiện-tại của người mình, mà nó lại có quan-hệ đến cả chính lệnh giáo hóa của dân tộc Việt-nam trong thời kỳ quá khứ nữa. Vậy nhân dịp, chúng ta tưởng cũng nên thử khảo cứu xem lai lịch và ý nghĩa của tháng chạp này.

Tiếng « chạp » là do chữ « lạp » 臘 trong hán-văn trệt ra. Vì trong tháng mười hai là tháng cuối năm có lễ tế chạp là một nghi-lễ rất trọng ở thời đại cổ. Việt-văn có tiếng « giỗ chạp » : chính ra từ hai chữ « kỵ lạp ». Mà « tháng chạp » thì tức là « lạp-nguyệt » 臘月 trong chữ nho.

Theo chế-độ xưa, tháng « chạp » có nhiều việc quan-trọng về chính trị, về kinh-lễ và về tôn-giáo.

Sách Chu-lễ thiên Thiên quan chép rằng : « Tuế chung, tắc linh bách quan phủ các chính kỳ tri, thụ kỳ cối... » (Cuối năm thì ra lệnh cho trăm quan-phủ đều phải làm cho ngay thẳng việc chính-sự của mình và tiếp nhận việc tính-toán của mình.)

Cũng sách ấy, đến thiên Địa quan lại chép : « Tuế chung tắc linh lục hương chi lại giai cối chính, tri sự » (Cuối năm thì ra lệnh cho các tư-lại sáu hương (làng đời xưa) đều phải tính-toán công việc và đưa đến các văn-thư về chính-sự).

Trong Nguyệt lệnh nói về việc làm trong tháng qui-đông (tháng chạp) có chú-trọng về việc nông

là gốc nền kinh tế đời xưa : Ra lệnh cho nhân dân đem ra giống ngũ cốc, bảo nông dân lường tính về công việc ngấu-canh (hai người cùng cày) ; sửa cày, bừa ; sắm đủ đồ làm ruộng.. »

Ý nói bấy giờ đã sắp-sửa bước sang tiết xuân, nhà nông phải sửa soạn công việc làm ruộng dưới ánh dương đầm-ấm sắp tới. Cho nên thì giờ trong tháng chạp này rất quý đối với nhà nông ; người cầm vận mệnh một nước phải nên giữ cho việc nông được chuyên nhất, chứ đừng bắt nông dân phải làm xấu dịch gì khác.

Đề khuyến-khích và vỗ về họ, các vương giả đời xưa có đặt ra lễ tế chạp làm trong tháng mười hai hằng năm. Lễ tế ấy, ngoài ý nghĩa cầu sự may-mắn cho nông dân, lại còn có ý dùng nó làm bữa tiệc đề khoản đãi úy-lạo nông dân nữa.

Cùng một lễ ấy, mỗi đời kêu tên một khác : Nhà Hạ (2224-1767 trước 1. L.) gọi là Thanh tự 淸祀 ; nhà Ân (1766-1123 trước 1. L.) gọi là Gia - bình 嘉平 ; nhà Chu (1122-249 tr. T. L.) gọi là Trá 蜡 ; Tần (249 - 207 tr. 1. L.) gọi là « Lạp ». Vì thế, tiếng ta mới có chữ « chạp » như trên đã nói.

Theo thiên Giao-đặc-sinh trong Lễ-ký, thì lễ tế chạp, bắt đầu từ vua Nghiêu (2357-2284 tr. T. L.) đặt ra. Chạp nghĩa là tìm xét mà tế những thần có công, chẳng hạn như Thần Nông là vị thần dạy dân cày cấy trước tiên (Tiên sấm), Cờ Hậu-Tắc là vị thần giữ việc canh-nông (Tư sấm), và vị thần giữ về bách cốc (Bách chủng).

Hằng năm, lễ tế chạp ấy làm vào tháng mười hai—theo quan-niệm người xưa — là tháng bế-tàng : muôn vật sau khi thành-công, đã trở lại cội gốc.

Cho nên, vương-giả làm lễ chạp ấy để báo đáp Thần-minh và úy-lạo nông-dân.

Lễ này vẫn được coi trọng ở đời đức Khổng-tử. Nhưng vì lưu truyền lâu ngày, người ta quên lửng cả tinh-thần của lễ chạp đến nỗi một tay cao-đệ ở Khổng-môn như ông Tử-Cống cũng còn không nhận thấy được cái ý nghĩa của nó dưới con mắt quan sát tình-tướng.

Một hôm có lễ chạp. Ông Tử-Cống đến xem lễ ấy.

Đức Khổng-tử hỏi ông Tử-Cống : — Tử (tên ông Tử-Cống) ơi ! vui không ?

Tử-Cống thưa :

— Người suốt một nước đều như điên-rồ, Tử này chưa biết cái gì là vui cả !

— Trăm ngày vất vả mới có một ngày được hưởng ơn-trạch là ăn lễ chạp.. Cái vui ấy không phải là điều người biết được ! (Trích dịch thiên Táp ký hạ XXI trong sách Lễ ký).



Xưa kia, chịu ảnh - hưởng của văn-hóa trung-hoa, nước ta, đối với tháng chạp, cũng coi là một tháng đặc-biệt khác thường :

1) Việc hành - chính. — Đầu đời Tự-đức (1848-1883), hằng năm, cứ đến tháng chạp thì giấy-tờ việc công, sổ, tấu, văn - án rất là bề-bộn phân-phiền ! Đó vì việc công trong một năm, các nha-môn thường làm không chạy, cứ đề

đongmãi đến tháng chạp; rồi thấy năm hết, tết đến, ngày «phong ẩm» (gói con dấu lại, nghỉ việc đề ăn tết) sắp tới nơi, bấy giờ mới hấp-tấp làm vội, cầu cho chóng xong.

Chính vua Tự-đức xét ra rằng «những tập tấu-nghị và án-kiện đáng lên bấy giờ phần nhiều là sự-lý lèng-bèng, giấy-tờ chữ-nghĩa bề-bộn. Những kẻ thừa hành ở dưới đã thấy kiệt sức, thì tỵ trung bàn-định xét-xử việc gì há được mười phần ổn - thỏa chu đáo? Nghiệm ngay như một vụ án do bộ Hình duyệt xong vừa mới dâng trình, đã vội nhận lỗi lập tức! Thế há không phải là lăm - lặc thất-thố đấy ư?...»

Vì vậy, vua Tự - đức phải dụ rằng : « Từ nay về sau, phạm hồ-sơ văn án do các tỉnh đã kết rồi mà đệ lên đều phải theo đúng như lệ cũ là cứ cuối tháng một đã phải đến Bộ rồi. Còn như các chương, sổ tẩm-thường và sổ-sách tiêu-thủ ở các nha-môn cũng cần phải một loạt đệ lên tâu trình trước thượng-tuần tháng chạp. Ở kinh, việc làm cũng phải theo như thế... » (Căn-cứ vào tờ dụ « Chư nha biệ sự bất đắc nhân tuần » ra năm Tự-đức thứ ba, 1850).

2) Việc ban niên - lịch. — Tháng chạp, có việc ban phát niên lịch cũng là việc trọng. Hằng năm, từ thượng tuần tháng năm, Khâm thiên-giám phải gửi ra mẫu lịch, giao cho Hà - nội mua giấy mực và mượn thợ khắc khắc gỗ, rồi in. Đến tháng chín thì phát giấy vàng đề đóng bìa. (Việc giao Hà-nội in lịch này định từ năm Minh-mạng mười ba, 1832).

Lễ ban và nhận lịch cử-hành vào ngày mồng một tháng chạp. Đúng ngày ấy, các trấn-quan đều phải bận triều-phục, đến Hành-cung, hướng về bắc khuyết mà lạy, gọi là vọng bái, rồi nhận lịch do triều-đình ban - phát ra. (Việc

ban lịch này định từ năm Gia-long thứ tám, 1809).

3) Việc tảo mộ và tế chạp ở dân quê. — Trong tháng chạp, ngoài mấy việc có quan - hệ đến chính lệnh do quốc-gia dùng làm, còn có những việc thuộc tôn-giáo, thuộc phong-tục hãy còn tồn-tại ở dân-gian từ xưa đến giờ. Tôi muốn nói đến việc tảo mộ và tế chạp.

Nhưng, lễ chạp bấy giờ người ta rút hẹp vào trong phạm-vi gia-tộc. Các nhà thờ họ, thường đặt một ngày trong tháng chạp, làm lễ « tảo mộ » : con cháu đem nhau đi thăm mộ, giẫy cỏ, đắp đất, thắp hương, dâng hoa ở nơi yên-nghỉ của tiền-nhân ; rồi về từ - đường, làm lễ tế chạp trước bàn thờ tiên-tổ. Khi thụ-phúc, con cháu cùng nhau chuốc chén say - sưa, mua lấy những phút điên rồ như bữa tiệc « Trá » ở đời Xuân - thu dưới mắt ông Tử-Cống.

Ngoài những việc kể trên, tháng chạp lại còn là kỳ tính công-lênh, xét kết quả việc làm và thu xếp mọi cuộc kinh-doanh nữa. Nên ca dao có câu :

« Trở về một, chạp tính công hoàn thành ».

Vẫn tháng chạp ấy, nhưng thời-buổi nay đã khác xưa. Từ công-sở đến tư-gia bây giờ, đâu đâu cũng dùng theo dương lịch. Tháng chạp ngày nay mất hẳn cái nghĩa thiêng liêng như ngày xưa nữa.

Dẫu vậy, giữa thời-đại máy-móc, thế-giới cạnh-tranh này, ở xã-hội ta, bao cái lưu-phong di tục vẫn còn sống và động, nhất là ở trong tháng chạp hằng năm.

Đấy, những cái mất thấy :

Bắt đầu từ mồng một tháng chạp, trên lễ đường phố Hàng Bò, những ngòi bút lông lại một phen hoạt-động. Trên mặt giấy hồng-điều lại ra mắt khách qua đường những câu đối sáo từ nghìn xưa để lại.

Xen vào bên những tờ giấy đỏ

mực đen, người ta lại thêm thêm những tấm tranh tết lưu - truyền cái dấu-vết của nền « mỹ - thuật » cổ. Tháng chạp năm nào cũng vậy, cũng vẫn bấy nhiêu tấm tranh, bấy nhiêu nét vẽ, người ta cứ kéo dài và không đổi mới dưới mắt nhi-đồng. Chúng ta cũng như đời các cụ-ky, con cháu chúng ta cũng như lớp chúng ta, ai nấy, không hơn không kém, chỉ được thưởng-ngượn bấy nhiêu nét sắc-sỡ không điều-hòa!

Nếu chịu tiến theo thời-gian, thì từ câu đối tết đến tranh tết, cần phải được tay hay nôm và nhà mỹ-thuật sửa-đổi cho thích-hợp hơn.

Ngoài cảnh tấp-nập gọt thủy-tiên, sấm hương ngát, chọn pháo kêu, chạy gao tết của nhà quê kẻ chợ, trong làng văn, làng báo có cái quang cảnh náo-nhiệt và bận-rộn khác thường...

Từ các nhà cầm bút đến dân thợ nhà in, ai nấy đều tất tưởi, hết sức hoạt-động, hoạt-động làm sách tết, báo tết...

Phải, sau khi làm tròn công-việc một năm, chúng ta cũng nên có những giờ phút nghỉ - ngơi để đón chào Xuân mới.

Nhân dịp tiết đông lạnh-lẽo sắp qua, Xuân mới sắp khoác cho cây cỏ non sông những tấm áo bằng màu-sắc xinh-tươi, rực-rỡ, Tri-Tân chúng tôi, đến ngoài 20 tháng chạp, sẽ xin hiến các bạn đọc thân-yêu một món quà thưởng xuân đầy hứng vị: sổ xuân Nhâm-ngọ (1942).

HOA-BẮNG

Đính chính

Trang 9, cột 2, giòng 1 : « ngày xuân » sửa là « ngày xưa » ; trang 13, cột 2, giòng 17 : « Bô rào » sửa là « Bén rào ».

T. T. số 32, trang 9, c. 1, gi. 1 : « nội » sửa là « nôi », gi. 10 : « dây nhạc nguyên » sửa là « dây nhạc u-niên » ; trang 20, chỗ « đón coi » xin đọc là : « Cháu 22 đời của vua Lý Anh Tôn hiện ở ngoại quốc ».

Bia Văn-miếu

Những ông nghề triều Lê

số 9

Ứng-Hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRONG khoảng năm 1436-1441 và năm 1443-1447, sử chỉ chép thi võ (*Cương-mục*, quyển 17, tờ 4 a), không thấy chép thi văn. Mãi đến năm Thái-hòa thứ sáu (1448), mới có bia đề tên những tiến-sĩ khoa mậu-thìn như sau này (*Thái-hòa lục niên mậu-thìn khoa tiến-sĩ đề danh ký*):

« Đại-Nam Nhân-Tôn khâm-văn (?) nhân-hiếu tuyên-minh hoàng-đế (1442-1459) noi theo nghiệp nhơn được mười bảy năm, tất cả ba lần mở khoa-thi, chiêu-tập được nhiều kẻ sĩ. Đương thời bấy giờ dùng được nhiều người giỏi, đến được bình-trị, về cách cất-đặt không làm một việc gì là không bổ-ích.

« Khoa quý-dã năm Thái-hòa thứ mười một (1453), và khoa mậu-dần năm Diên-ninh thứ năm (1458) đều không có điện-thí (thi đình). Dạy năm Thái-hòa thứ sáu (1448) là năm mậu-thìn, tức là khoa này, mới có điện-thi-sách. Lúc bấy giờ, những kẻ sĩ trong thiên-hạ thi hương đỗ rồi, vào thi hội, gọi là « lễ-vi », được hơn 750 người. Quan Hữu-tư chọn người giỏi được 27 người.

« Ngày 23, tháng tám, mùa thu, vua ngự ở điện Tập-hiến ban xuống những bài hỏi, sai Đặc-tiến nhập-nội tư-khấu đồng-binh chương-sự là Trịnh-khắc-Phục, Đề-điện là Ngự-sử-dài ngự-sử trung-thừa là Hà-Lật, Giám-thí là Môn-hạ-tĩnh tả-tư tả-nạp-ngôn tri Bắc-đạo quân-dân hạ-tịch là Nguyễn-mộng-Tuân, Hàn-lâm-viện thừa-chỉ học-sĩ là Trần-tuấn-Du, Quốc-tử-

giám-tể-tử là Nguyễn-Tử-Tấn, Độc-quyền, chọn những bài đình đối nào nên lấy.

« Chọn được lữ Nguyễn-nghiên-Tư trở xuống cho tiến-sĩ cập-đệ hay tiến-sĩ xuất-thân, mũ áo tiệp yển, đều theo phép thường, duy có việc lập bia đá đề tên, lúc bấy giờ chưa làm.

« Đức Thánh-thượng trị-vì 25 năm (quyển *Lê triều lịch khoa tiến-sĩ đề danh bi ký*, quyển 1, tờ 6 b, chép có 15 năm) làm hưng-khởi bọn học-trò, văn-học thêm thịnh, phấn-sức nên trị-bình, thanh-minh rộng đủ. Lúc bấy giờ chiếu cho Đông-quan khắc bia đá đề lâu dài, lại sai Đỗ-Nhuận soạn văn bia: kẻ thần-hạ kính vâng nhời ngọc, vì tư-vấn đa sĩ mừng, không dám lấy mình là vu-lậu (quê-kêch) mà từ-chối, xin chấp tay cúi đầu mà nói rằng:

« Việc cai-trị của đế-vương, chẳng gì nhơn hơn là trọng nhân-tài, phép tắc nhà nước rõ ràng, hẳn phải đợi bậc hậu-thánh, bởi trị nước mà không kén chọn nhân-tài, gây-dựng mà không nhờ ở hậu-thánh, thì đều là câu-thả. Theo dân mà làm thịnh được công-việc thối-phép, đủ được văn-vật diên-chương?

« Vậy có Thái-Tổ nổi mệnh giới mở vận, đức như thánh, công như thần, văn tài võ giỏi, nghiêm-trang rực-rỡ, xét việc võ, xem việc văn, khoan nhân dũng-tri: Chí-minh đại hiếu Cao-Hoàng-đế (Lê Thái-Tổ, 1418-1433) đem võ-công ngăn loạn-lạc, đem văn-đức làm trị-bình đặt niên-hiệu là Thuận-thiên (1428-1433), trước hết sửa sang việc học, đạo

hóa thấm khắp, văn-vận sáng rõ, muôn đời thái-bình, bấy giờ là thời-kỳ mới.

« Đức Thái-Tôn nổi mệnh giới trị dân, hiền đức thánh công, khâm-minh văn-võ, anh-duệ nhân-triết, chiêu-huệ Hoàng-đế (1433-1442), việc võ việc văn sửa-sang khuôn-phép, Năm Đại-bảo thứ ba (1442) mở nho-khoa, tài-tuấn rất nhiều, kỷ-cương phấn-trấn, làm sáng đời trước, mở đường đời sau, bấy giờ là buổi khoáng-trương.

« Đức Nhân-Tôn Hoàng-đế (1442-1459) nổi chí làm việc, xếp việc võ, xem việc văn, kén học-trò, dùng người giỏi, kính theo phép cũ, còn việc dựng bia ở nhà Thái-học chưa làm; việc rất văn-hoa, hình như đợi thời.

« Nay đức Hoàng-đế (Lê Thánh Tôn, 1460-1497) mở vận trung-hưng, gánh vác việc ấy, lại càng rõ sự trong đạo nho, hướng-hồ mọi vua đã có ý hàm-dưỡng sâu-xa, lại thêm sức mười năm phấn-chấn.

« Trước kia sáu năm một lần thi, nay chăm-chước theo phép nhà Chu (1122 - 255 trước kỷ-nguyên) không ngoài ba năm. Trước kia lấy học-trò không quá hai ba mươi người, nay rộng xét thực tài lấy rất nhiều, không kén gấp hai, khen chuộng hưng-khởi, đức-ý hân-hậu, ân-vinh thứ-bực, tiết-mục rõ-ràng, nghiêm-trang rực-rỡ hơn cả xưa nay, đem khắc vào đá tốt, chép sự thực văn-hoa, đề ở nơi kẻ hiền, khuyến-kích kẻ sĩ-phu. Ôi! chế-độ nhà vua thịnh vậy! Thế thì diêm văn-minh thánh-triều, việc khoa-cử gây tự năm Thuận-thiên (1428-1433) mới có tự năm Đại-bảo (1440 - 1442), thi-hành về năm Thái-hòa (1443-1453), đến năm Hồng-đức (1470-1497) thịnh hơn hết cả.

Xem tiếp trang 23

Văn hành công khí

Về bài thơ « ông phổng đá »

GẦN đây trong một cuốn sách (1) mới xuất bản, tác-giả có đoạn nói rằng bài thơ « ông phổng đá » đăng trong quyển quốc-văn trích diễm của ông Dương Quảng-Hàm chưa chắc là của cụ Tam-Nguyên Nguyễn Khuyến mà là thi-sĩ Tam Xuyên Tôn-thất-Mỹ, người Trung - kỳ. Cũng trong bài ấy, tác giả đã căn cứ vào các điều sau đây :

a) « Bài thơ ấy có chép ở Tam Xuyên thi tập do An-Sơn Tôn-thất Sung (con cụ Tam Xuyên) sao lục, (trang 84).

b) « Ông Cordier trong cuốn « morceaux choisis d'auteurs annamites » viết : Người ta gán thêm cho Nguyễn - Khuyến ít bài thơ nhưng chưa chắc những bài ấy là của Nguyễn-Khuyến... » (trang 85).

c) « Bà Mộng - Liên, cái bóng của Tam-Xuyên hồi trước cũng có lần nói quả-quyết với tôi (tác-giả) rằng bài từ-tuyệt kia là của Tam Xuyên. Lời ấy cũng đáng tịn... » (trang 87).

Bằng vào ba lý-thuyết trên, tác-giả nói : « Có lẽ ông Dương quảng-Hàm lầm thơ của một thi-sĩ nào ra thơ của Tam-Nguyên » rồi tác-giả bàn : « Tuy nhiên không nên nắm lấy nhược-diểm đó ta vội bảo bài phổng đá là của Tam Xuyên được » (trang 85). Tác-giả thật đã thận-trọng trong công-việc phê-phán tài-liệu và văn-học.

Trong bài này, tôi cũng không phản-đối mấy thuyết trên, chỉ nhắc lại câu chuyện của một vị quan cũ ở Bắc-kỳ đã kể gọi là góp chút tài-liệu để tìm ra tác-giả bài thơ « ông phổng đá ».

Còn sự phê-phán xin đề quyền các bậc cao - minh trong văn-giới :

« Về triều Thành-thái, có một

vị đại-thần làm Kinh-lược Bắc-kỳ lập phủ-đệ ở Thái - Hà - ấp (thuộc tỉnh Hà-đông bây giờ).

Sau khi cáo quan về, cụ Tam-Nguyên Nguyễn - Khuyến được mời làm gia-sư trong phủ ấy.

Một ngày, quan Kinh lược ăn mừng thọ 50, các quan thân xa gần đến mừng tấp-nập. Các hàng quan lại đều áo lam, quần điều, giầy chấn hoa, nhưng xem trong đám ấy có một cụ già trăm mặt, áo the cũ, khăn nhiễu thường. Vị ấy là cụ Tam Nguyên Nguyễn Khuyến.

Khi quan khách nhập tiệc, có vị tò mò trở cụ Tam Nguyên mà sẽ hỏi vị bên cạnh :

— Lão nào kia, sao ngồi trơ ra như « phổng » thế ?

Câu hỏi soi mói ấy cũng lọt vào tai cụ Tam-Nguyên, nhưng cụ lặng thinh.

Khi vài tuần rượu đã ngà ngà, giữa tiếng ti trúc và giọng hát của các danh ca trong ấp, có mấy vị văn thân dâng bài chúc thọ, câu hăm và bài hát. Vì chủ-nhân là một nhà văn có biệt-tài.

Đến lượt cụ Tam-Nguyên, cũng là chỗ tình thân, chả nhẽ ngồi im, cụ cũng nói :

— Chúng tôi ngồi đây học ở dinh cụ lớn đây, nay gặp tiệc thọ, cũng được lạm dự vào hàng quan khách, nhưng chưa nghĩ được câu nào mừng cụ lớn, nhân ngày thường ngồi trong nhà học thấy cảnh hồ sơn ở trước, trên núi có ông « phổng » đứng có mạn phép cụ lớn ngâm bài thơ sau đây :

Ông đứng làm chi đấy hỡi ông,
Trơ trơ như đá, vững như
đồng !

Đêm ngày coi sóc cho ai đó ?
Non nước vui đầy có biết không ?
Nếu cụ lớn cho phép, tôi xin

lấy thơ ấy làm đề bài hát.

Quan kinh lược, vốn thích nôm, ưng ngay. Cụ Tam-Nguyên cho gọi đào-nương lên và trao cho bài hát sau đây :

Ông phổng đá

MUỖU

Người đâu tên họ là gì ?

Khéo thay chích chích chị chị
nực cười !

Dang tay ngửa mặt lên trời,

Hay là còn nghĩ sự đời chi đây ?

NÓI

Trông phổng đá, lạ lùng muốn
hỏi :

Có làm sao len lối đến chi đây ?

Hay tưởng trông cây cỏ nước
non này,

Chi cũng rắp chen chân vào hội
Lạc (2) ?

Thanh sơn tự tiểu đầu tương
hạc !

Thương hải thù tri ngã diệc ầu,
Thôi cũng đừng chấp chuyện
đầu đầu ?

Túi vũ trụ mặc đàn em sau gành
vác.

Duyên kỳ-ngộ là duyên tuổi-tác;
Chén chủ, chén anh, chén tôi,
chén bác,

Cuộc tỉnh say, say tỉnh cùng
nhau.

Nên chẳng đá cũng gặt đầu ! (3)

Nhân dẫn truyện trên, tôi muốn bàn cùng tác giả cuốn « Người xưa » rằng : cái thuyết của ông Dương Quảng - Hàm biết đâu không xuất xứ ở đây, vì câu chuyện mà tôi vừa kể có nhiều người ở Bắc-kỳ nhất là con cháu các nhà cổ gia đều biết.

Một tiếng chuông thứ ba có lẽ sẽ đem cho tôi nhờ phê phán về bài thơ ấy.

TIÊN ĐÀM

(1) Quyển « Người Xưa » do CLPIC Hanoi xuất bản, tác - giả : ông Việt - Thường.

2. Tức là hội Lạc xã kỳ anh là hội các ông già đời nhà Tống.

(xem tiếp trang 8)

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 14

Ưng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

XLIV

Chung-tình

Xa-xôi trình lạy muôn vàn,
Cách trở khôn vui mượn ca nhân
Dở sách biếng ngâm câu biệt-hạc
Ôm cầm ngại gảy khúc li-loan,
Mang lo Hồ, Việt, phân hai sở,
Những ước máy rồng hợp một
đoàn
Hảo thực may nào nên sở ngãi,
Song song cũng ngại khúc « quan
quan »

(Trích ở quyển Quốc âm thi ca
tập lục sách viết bằng chữ nôm
của trường Bắc-cổ, số a b 296.)

XLV

Chung-tình ca

Dầy nên non nghĩa núi công,
Há phen lê-thái ghẹo hồng cho
cam ?

Con ngựa bắc, tiếng chim nam,
Càng e điệu vợi, càng nhàm gió
giăng.

Một nên với lại một chẳng,
Dẫu nên cũng đội, dẫu chẳng
cũng mừng.

Nghĩ đâu tình xiết cây măng,
Gương giăng thỏ cạy suốt trừng
xét-soi.

Đã rằng nhị rữa hoa trời,
Hiềm chi vẫn đặt vẫn dôi ý gì ?
(Trích ở quyển Quốc-âm thi ca
tập lục).

XLVI

Chùa Báo-thiên

Bài dẫn (bằng Hán-văn, dịch ra
quốc-âm) Ngày tốt đang sáng-sủa,
ruộng vàng thêm rực-rỡ : bốn
mùa xuân, muôn vật đều xuân,
mây năm vẽ bọp, nghìn diêm
lành đều bọp ; ghi chép vào đá
tốt, hết sự được bình dung ?
Vậy làm tiếp theo hai bài thơ
quốc âm :

1. — Bốn bề đen ngất gấm vân
trương,

Cảnh lạ mười phần chĩnh khác
thường.

Thăm-thẳm liên-dải nhuần diệu
sắc.

Thênh-thênh phúc-chỉ nước thanh-
hương.

Vầy nên cỏi pháp trừng tha-tĩnh,
Suốt được lòng người lạc thiện-
phương,

Gió đạo thổi đưa kòa hây-hây,
Công khi ngoạn thưởng rất thư-
lương.

2. — Bình-phong tám bức mọi
đồ thâu,

Đầm-ấm giới xuân ngọc một bầu.
Mây thụ đùn đùn toàn bảo-các,
Non nhân vôi-vôi đối chung-lâu.

Mở đường tế-độ là ơn rộng,
Song cửa từ thông tỏ đạo màu,

Thắng lãm chọn đây làm phẩm
nhất,

So trong lĩnh-giới há nhường đâu.
(Trích ở quyển Ngự-đề thiên-
hòa doanh bách vịnh thi tập của
Trịnh Căn, 1682-1709, sách viết
bằng chữ nôm của trường Bắc-cổ
số a b 544, tờ 10 a-b)

XLVII

Tuyết sơn cảnh-trí ca

(thuộc Hoài-an huyện)

Điệp trừng bình mở cỏi Nam,
Động xuyên lưng núi khéo làm
vẻ-vang

In ra dấu thánh móng vàng,
Động nên cây tuyết cảnh sương
ngọc lồng.

Gió đưa vang động cây thông,
Tuyết vào cửa trắng diêm vòng
giăng chơi.

Núi con khá chứa cỏi đời,
Tới lên tam ngụ vẽ vời câu thơ,
(Trích ở quyển Phong-cảnh
biệt chi, sách viết bằng chữ nôm

của trường Bắc-cổ số a b 377, tờ
7 b)

XLVIII.

Bồng-hình thắng-tịch ca

Đường non chống mở xuyên
ngang,

Hóa-công dùi chọc đã thường
nhiều năm.

Đá xanh ngời chẳng đất liền,
Biếc lờn dòng lạnh có miền giới
xanh.

Đá như dáng đỏ gấm tranh,
Sóng lồng vũ rủ muôn vành
ngọc treo

Phu-lai chốn ấy vui theo,
Khó đem bút vẽ những điều
truyện hay

(Trích ở quyển Phong - cảnh
biệt-chi, tờ 8 a). (1)

XLIX

Lắm mỗi tối nằm

không phú (2)

(Hạn « Ông tơ độc làm chi »,
năm vẫn)

Lênh-dênh lá thắm, bối-rối

CẢM HO !

HO GÀ !

Người lớn ho rũ ! Trẻ con ho
gà ! các ngài đã dùng nhiều thứ
thuốc ho vẫn không khỏi. Các
ngài thất vọng !

Đó là các ngài chưa dùng đến
thứ THUỐC HO GIA-ĐÌNH của
nhà thuốc TUỆ-TĨNH nên các
ngài thất vọng. Nay các ngài thử
dùng xem sao. Hay lắm ! kiến
hiệu vô cùng, chỉ một gói 0p.10
đã thấy ra sao.

Thuốc ho khác chế bán đã
nhiều, nhưng đoán rằng không
có thuốc ho nào bằng thứ
THUỐC HO GIA-ĐÌNH này.

Có gửi bán các nhà thuốc lớn
ở khắp 3 kỳ.

Kính cáo

Nhà thuốc TUỆ-TĨNH

53, rue Auvergne VINH

chỉ hồng; chấn chung nửa mảnh, tơ vấn trăm vòng. Bức - bối đương cơn nắng hạ, lạnh-lùng thay thuở đêm đông. Ngày liu-lo trước gọi vườn đào, tung-bừng giắc bướm; đêm khắc-khoải cuộc kêu dậm liễu ấm-oái, tin ong. Ay chẳng qua hương lửa ba sinh, lẽ-loi đánh tại phận; tóc tơ một mối, chấp nối bởi tay ông.

Có một người má hồng hớn-hở, mày liễu phát-phơ. giá thuyền-quyên chất đề nhà vàng, phong-tư dễ mấy, phận bồ-liễu dịu-dàng vẻ ngọc, cách-diệu cũng ưa. Rõ-ràng quốc-sắc thiên-hương, hoa cười ngọc nói, rộn-rã văn-nhân tài-tử, mối đón thư đưa; Tin nhắn tin bó, tin đợi tin chờ. mấy bức tờ tin nhận xa đưa, này thư Tống-Ngọc; một phiếm đàn cầu-hoàng dạo gầy, nọ ngón Trương-Như. Thung-thắng con yến trước sân, một hai cánh thiệp; phảng-phất chim hồng trên án, năm bảy lá thư. Nhà thông huyền khuyên bảo trăm chiều, lấy ai thì lấy; thân bồ-liễu dở-dạng lắm nỗi, chưa vắn hoàn chưa. Nào ai hẹn ngọc thề vàng, phồng không vò-vỡ; nào kẻ nguyện non chỉ bề, giăng bạc tơ-tơ! Buồng loan vắng-vẽ một mình, muốn chôn bà nguyệt; gói phượng lẽ loi chiếc bóng, muốn lấp ông tơ.

Bắc thang lên gọi chị Hằng-Nga, hỏi xe duyên làm sao lần-thần; chấp cánh dạo tìm chàng Từ-Thức, hỏi vì ai nên nỗi ngăn-ngờ? Cho nên ngao-ngán trăm chiều, ngồn-ngang lắm lúc, trông bóng mà cảm với bóng, mơ-màng giắc điệp năm canh, soi gương mà thẹn với gương, bối-rối ruột tằm chín khúc. Muốn lấy kẻ văn-nhân mà nhờ tiếng, thì không người tri-kỹ, mong con bạch-nhạn lại khơi chùng; rắp đem cây cù-mộc để nương mình,

chỉ e giọng Hà-đông, liệu kiếp phù-sinh là mấy chốc; ngấp-nghe những tuồng quân-tử, tình trẻ hầy còn tham; bâng-khuâng nào khách tri-âm, giăng già sao mà độc!

Thôi thì thôi, tựa lưng tường bắc, hóng gió nồm nam, bởi má hồng lắm lúc gian-truân, há rằng sinh lỗi, vì phận bạc cho nên đến nỗi, dám trách ai làm, chỉ tại xấu số phải nằm không thì chịu, nào có kém ai mà ở vậy cho cam.

Thơ rằng:

Dở-dang duyên-phận chẳng ra gì,

Khen khéo giới xanh độc địa chi!

Lối đến thờ-thần cùng nguyệt-chị,

Ngày thì năn-nỉ với phong-dì.

Muốn treo cầu Thước cho ngay lại.

Đề đợi chàng Ngâu tiện lối đi,
Trêu ghẹo hồng-nhan chi lắm tá?

Xuân-xanh thắm-thoắt dễ qua thì!

(Theo quyển Quốc-văn tùng-ký, của Hải-chân-tử biên-tập, sách viết bằng chữ nôm của Trương Bắc-cổ, số A B 383 quyển hạ, tờ 22a-23b).

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ
biên-tập

1) Những bài trích trong Quốc-âm thi-ca tạp-lục, Thiển-hóa-doanh bách vịnh và Phong-cảnh biệt-chỉ in ra quốc-ngữ lần này là lần đầu. Quyển Phong-cảnh biệt-chỉ có cái đặc-điểm là những bài ca toàn là văn dịch. Nguyên-văn chữ như sau này:

Tuyệt-sơn cảnh-trí

Thúy bình điệp-diệp tri Nam-day,
Bộng tạc sơn gĩa thiết tạo kỳ.

Triện xuất thần lung kim trảo
gióp,

Ngưng thành tuyết thụ ngọc chi
phì,

Phong truyền linh sáo phần từng
hưởng,

Tuyết hộ tình song diễm nguyệt
quí.

Nhất lap khả năng tăng thế-giới,
Đãg lâm liễu ngụ họa trang thi,

Bồng-hình thắng-tích

Man kính xanh khai nhất kính
xuyến,

Hóa công chùy tạc kỷ đa niên.

Thanh tán kiến dăng nghị vô (?)
địa,

Bích dẫn hàn lưu hốt hữa thiên.

Vị thạch đan hà thiên cầm tuyết,
Trám ba chung nhự vạn châu

huyền.

Cá trung tự thích phi-lai lạc,

Diệu sử nan tương họa bút trung.

2) Cụ Nguyễn Đông-Châu đã in bài Lắm mối tối nằm không ra quốc-ngữ trong quyển Cỗ-xây nguyên-âm, trang 74, tựa năm 1918. Bản của cụ khác bản nôm của Bắc-cổ đến mười mười lăm chữ: như câu « muốn lấp ông tơ », cụ Đông-Châu dịch là « muốn rắp ông tơ », nghĩa cũng thế, nhưng không đối với câu « muốn chôn bà nguyệt » (chôn lấp, chứ không phải chôn rắp), v. v.

(Còn nữa)

CÁC SÁCH NÊN ĐỌC

Tiếng Việt - Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN - PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-lát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT - LỤC của ông Trần-trọng-Kim. Giá 0p 80.

de Hanoi à la Courtine
(Septembre 1939 — Juin 1940)

của Phạm-duy-Khiêm Giá 1p.50
Bán ở nhà in « Du Nord »
133 phố Hàng-bông Hanoi và các
nhà bán sách.

1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 —
Bản quốc âm 2p.50.

Những ngày « lịch-sử » trong tháng Janvier.

Tiếp theo số 30

Ngày 1, tháng chạp, năm Tân Ty
Thứ bảy, 17 janvier 1942

Ngày nay năm kỷ-ty, 1509, vua Lê
uy-mục tục gọi là Quí - vương, bị
Giản-Tu-Công Oánh bắt sống thuộc
độc tử-lữ.

Ngày 2, tháng chạp năm Tân - ty
Chủ-nhật, 18 janvier 1942

Ngày nay, năm Bính - tuất, 1406,
quân nhà Hồ giao chiến với quân
Minh bên Tàu ở Bạch-hạc (Vĩnh-yên,
Bắc-kỳ) : quân Hồ bị thua.

Ngày 3, tháng chạp, năm Tân - ty,
Thứ hai 19 janvier 1942

Ngày nay, năm canh - ngọ, 1470-
vua Lê Thanh - tôn kéo binh vào
đánh Chiêm-thành, tới núi Thiết
sơn (?).

Ngày 4, tháng chạp, năm Tân - ty
Thứ ba, 20 janvier 1942

Ngày nay, năm kỷ - ty, 1509, vua
Lê tương-Dục lên ngôi.

Ngày 5, tháng chạp, năm Tân - ty,
Thứ tư, 21 janvier 1942

Ngày nay năm Tân - hợi,
1761, Trịnh-Giang mất, thọ 51 tuổi.

Ngày 6, tháng chạp, năm Tân - ty
Thứ năm, 22 janvier 1942

Ngày nay năm Nhâm-thân, 1572,
vua Lê-Anh Tôn, vì thấy Trịnh-
Tùng lộng quyền, sợ có biến. nên
cùng 4 Hoàng-tử trốn chạy vào Nghệ
an (Trung-kỳ).

Ngày 7, tháng chạp, năm Tân - ty
Thứ sáu, 23 janvier 1942

Ngày nay năm Bính-Tuất, 1406,
Trần Đĩnh, tướng nhà Hồ, đại
thắng quân Minh.

Ngày 8, tháng chạp, năm Tân - ty,
Thứ bảy, 24 janvier 1942

Ngày nay, năm Kỷ-mùi, 1919, vua
Khải-định xuống chỉ ban phẩm hàm
cho những chiến-sĩ Việt-Nam sang
Pháp dự cuộc Âu-chiến 1914-1918.

Ngày 9, tháng chạp, năm Tân - ty,
Chủ-nhật, 25 janvier 1942

Ngày nay năm Canh - ngọ, 1750,
chúa Trịnh Doanh thân xuất quân
đi đánh Nguyễn Danh-Phượng.

Ngày 10, tháng chạp, năm Tân - ty
Thứ hai, 26 janvier 1942

Ngày nay, năm Ất-mùi, 1415, một
người đánh cá được một lưỡi kiếm
ở con sông gần Lam-sơn, đem tặng
ông Lê-Lợi (Lê Thái-Tổ).

Ngày 11, tháng chạp, năm Tân - ty
Thứ ba, 27 janvier 1942

Ngày nay, năm Kỷ-mùi, 1919, vua
Khải-định xuống chỉ dụ dân nên
tiết-kiệm trong những lễ quan, hôn
táng, tế.

Ngày 12, tháng chạp, năm Tân-ty,
Thứ tư, 28 janvier 1942

Ngày nay, năm Quí-hợi, 1924, vô-
tuyến-điện từ Hà-nội sang Paris bên
Pháp bắt đầu thông-tin được

Ngày 13, tháng chạp, năm Tân - ty
Thứ năm, 29 janvier 1942

Ngày nay, năm Quí - mùi, 1884,
Chính-phủ Pháp phái thêm 3 chiếc
tàu chiến chở quân - như và 2 cơ
binh sang Bắc-kỳ để dẹp giặc cò-
đen.

Ngày 14, tháng chạp, năm Tân - ty,
Thứ sáu, 30 janvier 1942

Ngày nay, năm kỷ-mùi, 1739, quân
nhà Lê lấy được đồn Con-mông (?)
của quân Hoàng-Mật.

Ngày 15, tháng chạp, năm Tân - ty,
Thứ bảy, 31 janvier 1942

Ngày nay năm Ất-mão, 1865, vua
Tự-đức xuống chỉ sai soạn pho
Khâm-định Việt sử thông giám cương
mục.

HẾT

LONG-ĐIỀN

TRI-TÂN TAP-CHI

Văn hành công khí

Tiếp theo trang 5

3. Cũng đề mục này, ông Phan
văn Cư người làng Đồng-lĩnh, huyện
Văn-giang, tỉnh Bắc-ninh, đồ phó
bằng, đồng thời với ông Tam-
Nguyễn Nguyễn-Khuyến cũng có
làm một bài hát họa lại :

Ông phổng đả

MUỖU

Non thiêng khéo đúc nên người,
Trông chừng sành sỏi khác người
trần-gian ;

Trải bao gió núi mưa ngàn,
Đã già già sức, lại gan gan lý.

NÓI

Gan lý già sức,
Há non chi mà sợ cóc chi ai !
Người là người, tớ cũng là người
Nhằm cho kỹ vẫn tranh vanh đầu
giốc.

Tương tri tăng thức năng công
ngọc,

Mạc luyện như hẻ khả bỏ thiên ?
Thối mặc ai rằng trắng, rằng đen,
Thế như thế cũng ngồi yên như
thế vậy.

Còn trời đất hầy còn tai mắt ấy,
Lặng mà coi họa thấy lúc nào
chăng ?

Hững về già gạo ba-giăng !

Bài này cũng như bài trên, cả
hai đều được truyền tụng và các
ca nương vẫn thường hát. T. Đ.

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN

195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương
học chữ Hán hay đã biết thông
chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0\$35 cước 0\$06

Các hiệu sách nên viết
thư mua ngay kẻo hết

PHONG-DAO

Chia loại và giải nghĩa

TIẾT-KIỆM

TIẾT nghĩa là dè-dạm điều-độ ;
kiệm nghĩa là kiệm - ước
tần-tiện. Ta không nên lẫn
« tiết-kiệm » với « bôn - sên » hay
« bôn-sin ».

Xa-xỉ thì là quá, bôn-sên thì là
bất-cập.

Cho nên, đề trào - phúng những
người hà-tiện không phải đường,
phong-nhân có câu : « Hà-tiện mà
ăn cháo hoa, đồng đường, đồng đậu
cũng ra ba đồng » ! Và nhieo-móc
những kẻ làm chông bay hoang-
toàng rầnq : « Chồng em nó chẳng
ra gì, tở-tôm sóc đĩa nó thì chơi
hoang . »

Ở giữa khoảng hai cái cực-đoan
ấy, tiết-kiệm là đức tốt nhất. Tiết
kiệm là biết cư-xử một vừa hai
phải, không lo « ở rộng người cười,

ở hẹp người chê ».

Từ xưa, Việt-nam là một nước
trọng nông Người ta thường phải
« đòi bát mồ hôi lấy bát cơm »,
nên phàm những người đã từng-
trải trong cuộc sinh-hoạt chân lấm
tay bùn hay đã tiếp xúc với nông-
dân trong cảnh cây mưa cuộc
nắng, thì không mấy khi vung tay
quá trán, ném tiền qua cửa sổ để
mua lấy những phút say - sưa về
vật-chất.

Sống một đời t ết - kiệm, họ có
cái cao-thượng là không phải sống
đề mặc đẹp đề ăn ngon, đề ở sang.

Cái tiềm lực truyền sinh-khí cho
quốc-gia Việt-nam từ xưa đến nay
chính nhờ ở đức cần kiệm của
nông-dân một phần lớn.

Đề nêu những đức tốt ấy, trước,
tôi đã nói đến « siêng năng » tức

là « cần » rồi, nay xin lần - lượt
nói đến « tiết-kiệm ».

Có thóc thì chẳng ăn de,

Đến khi hết thóc, ăn dè chẳng rai

Đi dàu mà chẳng ăn dè,

Đến khi hết của thì dè chẳng rai

Thề phú. Đây là phong-nhân chổ

những người không b ết lo xa, ăn
bữa hôm không nghĩ đến bữa mai,
tha hồ vung-phí trong khi có thóc
gạo, tiền-của. Rồi cứ bốc rời quen
tính, mỗi ngày số thu một không
thăng-bằng với số chi, tất nhiên
thóc bao nhiêu cũng đến ăn hết,
tiền-của bao nhiêu cũng phải cạn
dần, bấy giờ mới ngơ - ngạc mà
than-vãn : chỉ tại không biết tiết-
kiệm ! Khi đó, dù có muốn ăn thóc
hay tiêu t ền một cách dè-dặt cũng
chẳng còn đâu nữa !

Thế mới biết, ở đời, nếu không
chịu phòng tâm mắt rộng, trông
xa về tương-lai, thì đến khi đã lo
dịp, dẫu hối cũng không sao lấy lại
được nữa ! HOA BÀNG

Mới có bán

TANG TÓC

tiểu thuyết của Vũ-trọng-Can
giá Op 60

Có thêm phần phụ « Lãng
mạn chủ nghĩa »

TRÊN ĐỒI XIM

tiểu thuyết của Nguyễn-khắc-
Mẫn giá Op.50

Có thêm phần phụ « Soi
gương Jules Verne ».

CÒN MỘT SỐ IT

Thăng Tuất của Trần-mai-Ninh giá Op 45

Nợ Văn phóng sự của Lãng-Tử giá Op.45

Gió Đưa của Vị-Hồ giá Op 45

Tiếng còi nhà máy của Kim-Hà giá Op 55

Tôi làm xiếc giải thưởng Việt-Báo

1940 giá Op 38

Mỗi quyền đều có thêm phần phụ dành
riêng cho những nhà thức giả.

Sắp có bán

Thanh niên trước thế giới mới

Nguyên tác của ANDRÉ MAUROIS do
PHÙNG-NGUYỄN lược thuật

Nhà xuất bản

**TÂN
VIỆT**

49—Takou
Hanoi

Máy lời kính cáo

Chẳng cần phải nói thì các bạn đọc cũng đã
thừa hiểu là mỗi ngày chúng tôi mỗi cố gắng
vừa về hình thức vừa về tinh thần để làm tờ
« Tri Tân » thành một món quà quý giá hàng
tuần của các bạn. Số sau là số đặc san về Luân
Nam Ngộ, dày 52 trang lớn, bài vở rất rời rạc
ấn loát rất công phu, có một bức phụ bản in một
cái tài liệu ai xem cũng phải ngạc nhiên vì
chưa từng nghe thấy nói đến bao giờ, và một
cái bìa in 7 màu do ông Trịnh-Vân, một họa sĩ
đã nổi tiếng trong làng báo và làng mỹ thuật
trình bày. Số đặc san này thực là một số báo
đầy đủ. Nhưng các bạn chớ chưa nghĩ đến
rằng trong lúc giấy mực đắt đỏ, nhân công
cao như lúc này, chúng tôi đã tốn đến mấy
nghìn đồng để làm được số báo như thế. Bởi
vậy chúng tôi đã nhất định rằng : Số báo ấy
riêng tặng các bạn đọc mua báo đã trả tiền rồi
mà thôi. Xin các bạn ai chưa trả tiền thì kíp
gửi ngân phiếu về trả cho. Đa tạ trước.

Tri-Tân tạp chí

Số sau sẽ phát hành khắp Đông-Dương vào
ngoài 20 tháng chạp ta.

Phê-bình

Lều chõng

của KIỀU THANH-QUẾ

CHÚNG tôi vẫn chủ-trương rằng không nên phân chia Quá-khứ với Hiện-tại,

Và nếu không phân chia Quá-khứ với Hiện-tại, càng không nên phân loại tuyệt-đối lịch-sử tiểu-thuyết và phong-tục tiểu-thuyết.

Vì lịch-sử tiểu-thuyết là phản ảnh của Quá-khứ, còn phong-tục tiểu-thuyết là phản ảnh của Hiện-tại.

Loại sau là biến thể của loại trước.

Hai loại nếu có khác nhau, chỉ khác vì mỗi một vấn-đề thời-gian mà thôi!

Mà nghệ-sĩ, có kẻ bảo, là ông thầy của thời-gian và không-gian. Nghệ-sĩ (ở đây tức là nhà lịch-sử tiểu-thuyết hay nhà phong-tục tiểu-thuyết) được trọn quyền quan-sát trong Hiện-tại, hay ước-đoán, đề tài tư-liệu trong Quá-khứ. Nghệ-sĩ có sứ mạng phổ dấn tất cả những ý-tưởng quan-trọng án-ngữ một tác-kỷ; những điều-kện muôn nam nó chi-phối cuộc sống của một dân-tộc, của một xứ; và tất cả lễ-giao, tập-tục ở xứ ấy nó điều-khiển cả bộ máy chánh-trị xã-hội của dân tộc ấy. Nghệ-sĩ vẽ rõ bộ mặt những nơi căn-cứ của thời-gian, của y-phục, cũng như của nền kiến-trúc và của tất cả cơ-khí, đạo-trí của một nền văn-minh đương sán-lậu hay đã tiêu-trầm. Ngoài giả, nghệ-sĩ còn phải làm sống lại giới tình-cảm bí-ẩn nhất của các thế-kỷ đã qua hay của cuộc sống hiện-tại.

Nhân bết qua sứ-mạng của nghệ-sĩ, ta thấy rằng sự đề tài tư-liệu để viết một lịch-sử tiểu-thuyết vẫn khó-nhọc không hơn sự nghiên-cứu để viết một phong-tục tiểu-thuyết. Hay nói khác Giá-trị lịch-sử tiểu-thuyết với phong-tục tiểu-thuyết ngang nhau vì cùng đòi hỏi ở nghệ-sĩ nhiều công-phu bằng nhau.

Công-việc của lịch-sử tiểu-thuyết là đi giật lùi lại Quá-khứ. Công-việc của phong-tục tiểu-thuyết là công-việc đào xới những hạn-chế mong-manh của Hiện-tại, đề họa may cũng tạo được một hình-tượng nông-nô hay phủ-bạc của thời-đại.

Hai công-việc ấy, trong phạm-vi nghệ-thuật, đi liền nhau: lịch-sử của Quá-khứ bổ-cứu cho phong-tục tiểu-thuyết nó chỉ là lịch-sử của Hiện-tại.

Lịch-sử tiểu-thuyết, được hiểu như một sự làm sung-mãn Hiện-tại, có thể hồi-phục và gây sanh-lực cho phong-tục tiểu-thuyết.

Lều chõng của Ngô Tất-Tố là một phong-tục tiểu-thuyết, nhưng lại có tánh cách lịch-sử — lịch-sử khoa-cử ngày xưa!

Các nhân-vật của lịch-sử không có trong đó; nhưng cả một thời-đại khoa-cử của Quá-khứ, trong đó, được tiểu-thuyết-hóa bởi một nhân-vật của lịch-sử khoa-cử Việt-Nam: ông đầu xứ Ngõ Tất Tố.

Viết Lều chõng, trên bốn trăm trang giấy, ngọn bút đầy sức mạnh, Ngõ Tất Tố, trong địa hạt của mĩ thuật, hoạt động được dễ dàng, vạch được tỉ-mỉ tất cả hủ tục mục-nát của khoa-cử, trình bày được khúc-chiết những phút vinh nhục của khoa-cử.

Vân-Hạc đeo đuổi khoa-cử, đã có lần được đỗ thủ khoa, vinh quang; nhưng trong kỳ thi hội, chẳng may dùng lầm có mấy chữ mà suýt mất mạng.

Ngoài ra, trong khi thi hương, ôi, biết bao là khổ cực cho riêng Vân-Hạc!

Khoa thi hương năm ấy, tác-giả không bảo rõ là khoa năm nào, nhưng tất cả những ai đã từng lận đận trường ốc đều rõ là khoa Nhâm-tử (1912)

Khoa thi hương Nhâm-tử, mưa to gió lớn, trường thi ngập nước. Khoa ấy, có một ông lão ở Phú-Thọ đi thi, chết rét trong trường thi. Và trong chương XI của Lều chõng, tác-giả cũng có thuật qua câu chuyện thương tâm ấy.

Khoa ấy, luồng đất trường thi « bị nước ngấm vào nó đã thành ra luồng bùn, không đủ sức đề đỡ cái chõng và một người ngồi. Vì vậy cái chõng phải thụt xuống, thụt cho đến khi bốn chân ngập hết như bốn cái cọc mới thôi.

« Vân-Hạc cũng như hết thấy mọi người tuy ngồi trên chõng vẫn không khác gì ngồi dưới đáy ao, dít áo, đũng quần, nước bùn thấm vào bết. Gió bắc như có thù riêng luôn luôn quạt cho giọt mưa hắt vào các khe lều. Vì sợ nước bắn vào, quyền thi sẽ bị tẩy ố, chàng phải quay lưng ra phía ngọn gió để lấy lưng làm cái bình phong chắn cho hạt nước tàn ác khỏi bay vào đến quyền văn. Nhưng cái lưng chàng không phải là vật kỵ gió, kỵ mưa, nước mưa theo gió hắt vào, nó đã thấm qua mấy lần áo bông áo kếp, lọt tới da thịt. Cái nước ấy mới độc làm sao, nó vào đến đâu, chàng thấy ở đấy cứ buốt thon thót như bị tên độc bắn phải; miệng thịt tha, tay run lẩy bẩy, chàng không thể nào cầm bút mà viết, tuy chàng đã nghĩ được xong bài thơ, một văn « lung », một văn « nhập đề » và một văn « thực » của bài phú » (trang 187).

Thấy ngày xưa thi cử gặp mưa gió khổ-cực như thế, ắt có người tự hỏi sao nhà vua không cất nhiều gian nhà lợp ngói đằng hoàng cho thí sinh thi?

« Không phải các cụ ngày xưa đều không nghĩ đến điều đó. Nhưng trong trường thi hương, không thể cất nhà cho học trò ngồi thi. Là vì học trò đông quá, cất đến mấy chục gian nhà cũng không đủ chứa. Và lại, thi ở giữa trời, các quan Ngự sử còn có thể đứng trên chòi mà nhìn xuống dưới để rình những kẻ gian lận, chứ nếu thi ở trong nhà, thì các ông ấy ngồi đâu mà canh? » Nếu bảo các ông ấy vào ngay trong

vi mà canh, thì càng không được. Vì « các ông Ngự sử cũng đều là người biết chữ. Nếu vào trong vi, lỡ các ông ấy gà cho học trò thi sao? Bởi vì cần phải phòng bị chỗ đó, cho nên, người ta mới cất các ông Đề điệu phải đem đầu bài xuống dán ở trong các vi. Ông Đề điệu là người dốt đặc, một chữ không biết, không thể gà cho ai được. » (trang 180-181).

Chế-độ khoa-cử ngày xưa vì dùng nhiều phương-hoạch nghiêm-khắc như thế, nên chẳng những một mình thí-sinh khổ-não, mà riêng quan chấm trường cũng chẳng sung-sướng gì! « ... Trong lúc làm trường, người ta đã tính đủ số quan trường, dựng cho mỗi ông một gian nhà lá, trong nhà có bếp, có chuồng xí, có vại chứa nước, có nồi nấu cơm, đủ các đồ lễ của một gia-đình. Bốn bên đều có pheo nửa che kín, gian nọ không được thông với gian kia. Sau khi tiến trường, người ta tổng hết các ông sơ khảo, phúc khảo, giám khảo, cho mỗi ông vào một gian, rồi khóa trái cánh cửa ra ngoài, giao chìa khóa cho ông Đề điệu, bao giờ thi xong, ông Đề điệu mới mở cửa cho các ông này cùng ra... Bao nhiêu đồ ăn thức uống của các quan trường do ông tổng đốc sở tại trích tiền công khổ chi cấp cả. Sự cung đón cho mấy ông trên thế nào tôi không được rõ, chứ đến những ông sơ khảo, phúc khảo, thì ôi thôi, cực kỳ bần tiện. Mỗi

ông một ngày chỉ được hai lạng thịt lợn, hay là hai con tôm he, có thịt đừng tôm, có tôm đừng thịt; ba ngày mới được một lọ nước mắm và ít muối trắng » (trang 256-257).

Sau khoa Nhâm-tử thì cử khổ cực và mưa gió chết người ấy, còn một khoa thi hương năm Ất-mão (1915) ở trường thi Namdinh nữa, thì hết hội khoa-cử ở Bắc-kỳ.

Nghe đâu khoa thi cuối cùng ở Bắc-hà năm ấy, có một quan Thượng làm bài thơ chữ nho mừng các ông tân khoa :

*Đay tăn học giới đồng văn nhựt,
Thủ cựu nhơ khoa kết cục niên,
Bát trợn bội thành ao nhất chiến,
Từ đàn sạ sách hiển tam thiên.
Binh sinh tân khổ đương phur thi,
Tiền lộ công danh vị tất nhiên.
Tiển ngã thuận lộ thu hừng vãn,
Nam thành tái tiếp Lộc-minh diên.*

Sang năm Mậu-ngọ (1918), khoa-cử ở Huế cũng bãi bỏ. Từ bấy nhần nay, không ai còn lận-đận trường-ốc nữa. Và các thiếu nữ không còn nao nức như cô Ngọc trong *Lều chõng* :

*Chẳng tham ruộng cả, ao liền,
Chỉ ham đôi bút, cái nghến anh đồ.
Mà chỉ bảo nhau : « Pòi cao đẳng
bất thành phu phụ » !*

Ngày xưa, những anh đồ như Đào Vân-Hạc lận-đận trường-ốc cũng chỉ vì muốn làm vừa lòng vợ. Ngày nay, đường-lối tuy khác, song lắm khi mưu-cánh cũng không

hơn gì.

Chế-độ khoa-cử ngày xưa càng ngày càng hóa ra món đồ cổ ít người mó đến. Trưng bày món đồ cổ ấy ngày nay, trong lúc phong trào Hán học bắt đầu hồi phục lại khắp xứ ta, tác giả *Lều chõng* như cổ thử thách độc giả ai là người hiểu cổ đầu hấy tỏ ra minh văn còn tưởng nhớ đến phương võng lọng.

Độc *Lều chõng*, nhiều người chỉ nghĩ đến những chỗ khả-quan của một chế-độ khoa-cử phiền phức ngày xưa thôi. Chờ mặt trái chế độ ấy còn chưa được biết bao nhiêu là chi tiết đang thương tâm : nào là phải đóng quyền văn viết bài thi cho hợp phép ; nào là không được đồ, di, câu, cải, nếu không, phạm trường qui ! Ngoài ra, còn nào là ngoại hạn, ngoại hàm, khiếm trang, khiếm lỵ, phạm úy v. v. ... Kề sao cho xiết nuối điều vô ý-thức ấy ? nó chỉ tỏ làm khổ, làm mờ-tối niên lực sáng-lạc của sĩ phu ta trước thôi !

Phê bình *Lều chõng*, chúng tôi mới độc-giả chú ý đến mặt trái chế-độ khoa-cử ngày xưa. Vì đó phải chăng cũng là bản tâm của tác-giả trong khi trứ thuật ?

KIỀU THANH-QUẾ

Cải chính

T. T. số 31, trang 15, chỗ nói về dân số ở Phi-luật-tân là 15 triệu, không phải 75 triệu.

Muốn cho được lịch sự trong dịp tết, không gì bằng

Rượu Dubonvin và Cam Xả đoài

Hiệu NGỌC HƯƠNG, 48, phố Sinh-từ Hanoi, tổng phát hành Bắc-Kỳ

Cần nhiều đại lý khắp các tỉnh Bắc-Kỳ, cứ viết thư về hiệu NGỌC-HƯƠNG

Nhà chế tạo : ĐÀO-VIÊN, 117 phố Maréchal Foch Vinh

TRƯỚC những tấm gương chân-tu hoặc cái chết giải-thoát của các thiền-sư bấy giờ, vua Lý-Nhân không thể làm lơ mà không lên tiếng khen tặng hay búi ngùi thương cảm, nên đã thốt ra mấy vần thơ đầy vẻ mộc-mạc nhưng huyền-bí :

Tặ g ông Vạn-Hạnh
Vạn-Hạnh thông ba cõi,
Thực hợp lời sấm xưa.
Lang ở g. i Cồ-phap;
Cầm gậy chấn kinh sư. (Dịch)
Khe Giác Hải thiên-sư và
Thông-Huyền đạo nhân :
Long Giác-Hải như biển;
Đạo Thờ g. Huyền lại huyền.
Thần thông kiem biến hóa :
Đặng Phát, đặng thần tiên !
(Dịch)

Và bài viếng sư Sùng-Phạm như đã chép trong « *Thiền Uyển Tập Anh* » v. v.

N oài mấy bài thơ đó, vua Lý Nhân Tông còn có một bài di chiếu tức lời trời-trắng, cũng viết bằng Hán-văn nhằm năm ngài 63 tuổi, nghĩa là bài ấy làm khi ngài sắp thăng-bà. Lời văn chân - thành, bất - phác nhưng cảm động lắm. Nay xin trích dịch một ít ra sau đây. Còn ai muốn coi toàn bài nguyên văn thì cứ kiểm ở trong Sử-ký và tập *Hoàng Việt Văn Tuyển*.

« ... Hâu táng đến hồng cơ nghiệp đề trở cho nặng đến hại thân tình, ta cho là rất không nên.

« Ta đã ít đức, không có gì làm cho trăm họ được yên ! Đến khi qua đời lại để cho dân chúng, mình số 1, khóc hôm sớm, kén ăn, g. ẩm ứng, bỏ cả cung tế, để ta lại thêm nặng tội, thì thiên hạ sẽ bao ta ra sao ?

« Tạng : hết ba ngày thì bỏ đồ

trở, ngừng thương khóc. Táng : theo gương tiết kiệm, giản dị của Văn đế nhà Hán, không xây lăng riêng, nhưng nên đề phụ ở bên Tiên đế (mộ vua Lý Thánh Tông)... »

Đọc hết mấy câu di chúc đó, ta phải ngạc nhiên trước cái tinh-thần hi-sinh đến cực điểm của ngài ! Suốt cuốn lịch-sử đế vương Việt-nam, thật ít ai được như ngài chịu xả thân và duy tha đến thế ! Đó cũng do thiên thọ và bởi ngài chịu ảnh hưởng lớn của Phật-học.

Tham khảo : *Đại-việt sử-ký tiền biên bản kỷ quyển 1, tờ 43 và Thiền uyển tập anh, Toàn viết thi lục v. v.*

TIẾT MƯƠI BỐN

ĐOÀN-VĂN-KHÁM

Về lịch-sử ông, sách-vở xưa chỉ nói là Công bộ thượng-thư đời vua Lý Nhân-Tông.

Dẫu vậy, nhờ mấy bài thơ còn sót của ông, ta có thể biết ông là người học thông cả nho-thích. Sinh-bình khuynh-hướng về mặt Phật - học, nên ông thường giao-du với khách thiền lâm, có ý muốn từ quan, quần khăn vải, bận áo nan. theo học một vị đại đức. Ngặt vì việc đời bấy còn chất nặng trên vai, nên chưa có dịp thực hành được cái nguyện đó !

Ông rất có cảm tình đối với các vị đại-dec hồi bấy giờ. Nay ta thử đọc mấy vần thơ của ông sau đây cũng đủ tưởng-tượng được tấm lòng hiếu học, mộ đức đó là thế nào :

Tặng Khổng-Lô thiền-sư
Cầm gậy non cao, rừ sau trần,
Lặng tìm ảo mộ 1g, hỏi phù vân.
Khát - khao, nhưng khó theo
rừng, (1) 1hập (2),
Vị vương dân cò : đau vớ cán !
(Dịch)

THỬ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẮNG

Dưới triều vua Lý Nhân-Tông, làn sóng Phật - học vô cùng mạnh-mẽ, nó trùm ngập cả vương, hậu, sĩ phu, nó lôi cuốn bao người học rộng, tài cao đến núp ở dưới bóng cờ « đại-từ, đại bi, cứu khổ cứu nạn ». Đọc bài thơ của Đoàn-văn-Khám trên đây, ta thấy rõ tâm-sự ông thường bút-rút ấy này vì phải theo đòi quan-liêu trong triều-ban (lộ quần), vương vù áo - mào cân đai, không thực hành được cái ý muốn nương mình của Phật !

Khi nghe tin sư Quảng-Trí, một vị đạo cao, đức trọng bấy giờ, tạ thế, ông có viếng một bài thơ :

Lâm tuyền, đầu trắng, lánh
phồn-hoa,
Rũ áo non cao, hương bay xa !
Những muốn trùm khăn theo
của Phật ;
Bỗng nghe treo dép, khóa then
Già !
Nhà trai, dưới nguyệt, chim kêu
rộn !
Bên tháp, bài minh, ai viết a ?
Bạn đạo thôi đừng thương nỗi
biệt,
Trước chùa, non nước : bóng
sư già ! (Dịch)
Cùng một giọng thiết - tha
chân-thành đó, ông viếng Chân-Khổng thiền-sư ở núi Phá-lai :
Gương sáng cao treo cả nội, triều.
Gậy rồng, máy quần : hợp đồng
sao !
Thương ôi, rừng đạo cây tùng
đổ !

Số 20

Ông có bài này đáp đệ tử Pháp-Dung hỏi thế nào là thánh với phàm :

Ở đời, đừng hỏi sắc và không :
Học đạo, chỉ bằng hỏi lễ-tông.
Lòng giác ngoài trời (?) ; khôn
định thế !

Bụi cây cõi thế : để đâu trồng !
Vo tròn nhật nguyệt trong nhàn
cải,

Cầm chặt kiền khôn ở ngọn lông.
Tay nắm này đây bao đại
dụng !

Ai hay phàm, thánh với tây,
đồng ? (Dịch)

Ông mất ngày 27, tháng giêng, năm Đại-dinh thứ ba (24 février 1142) (3) thọ 76 tuổi.

« *Ngộ đạo ca thi tập* » (4) là một tác-phẩm về thơ ca của ông Khánh-Hỉ, họ Nguyễn, người Cồ-giao, huyện Vĩnh - Khang. (Tham khảo *Thiền uyển tập anh* và *Gaspardone* trang 861 số 40).

TIẾT MƯƠI SÁU

NGUYỄN NGUYỄN-ỨC 10797-1151

Ông, đạo hiệu Viên-Thông, người làng Cồ-hiền, xưa thuộc tỉnh Nam định, nay thuộc Hà-dông, là một ngôi sao sáng trong Phật-học giới, văn - học giới và chính-trị-giới ở đời Lý.

Nổi dòng văn-học và tu-hành, ông là con ông Huệ - Dục, tá-bhủu-nhai tăng-lục dưới triều vua Lý Nhân (1072-1127).

Tư-chất thông sáng, ông học đến chốn, đến nơi, nên thấu được tới chỗ tinh diệu.

Sau khi đã đậu kỳ thi « thiên-hạ hoành tài », lại đỗ đầu khoa thi Tam-giáo (Hội-phong thứ sáu, 1097), ông không chịu nhận chức làm quan. Chỉ làm chân « nội cung-phụng truyền giảng

pháp », ông tùy cơ mà diễn dạy, khiến người giác - ngộ, nhận-linh được chỗ yếu-chỉ, tránh được điều lầm, chừa được cái đại. Nhờ tay ông đào-tạo, nhiều người thụ - nghiệp đều được nổi tiếng ở đời bấy giờ.

Về chính - kiến, ông chủ-trương cái thuyết nhân trị. Ông cho rằng vận - mệnh một nước quan - hệ ở như hạng người cầm quyền. Nếu hạng người đó tốt thì nước thịnh-trị, trái lại, tất phải suy - vong. Cái cơ thịnh hay suy, trị hay loạn là do nơi đế-vương dùng quân-tử hay tiểu-nhân. Có thể ví một nước như cái đồ dùng : nếu đặt vào nơi yên ổn thì yên ổn ; bằng để vào chỗ nguy thì tất nguy. Mà cái cơ hưng, vong, trị, loạn bao giờ cũng phải dần dần, chứ không một chốc, một lát mà xảy ra đâu. Vì như bốn mùa và thời-tiết nóng rét cũng phải chuyển-văn ngấm ngấm, há phải thịnh-linh mà thay đổi hẳn ?

Vậy, ông vua muốn cho trong nước thịnh trị thì phải theo gương trời đất, cố gắng không ngừng, giữ đức tốt : sửa mình, yêu người.

Cái chủ-trương của ông về mặt chính-trị (1130) đại-khái là thế.

Còn nữa
HOA-BẮNG

1. Phật-đồ-trùng.

2. Cư-ma-la-thập.

3. Trong *Thiền uyển tập anh* có chưa thêm : « theo Sử-ký (?), thì trái lại, ông mất năm Thiên-chương bảo-tự thứ ba (1135).

4. Trong *Lịch-triều hiến chương*, quyển 43 nói là *Ngộ đạo tập*.

Thời đàm

Quần-đảo Timor

NHẬT-NHAM

NĂM 1498, nhà thám-hiểm Vasco de Gama tìm được con đường Ấn-độ. Nhờ thế mà năm 1510, Alfonso de Albuquerque chiếm được Goa và Ấn-độ. Năm sau, người Bồ-đào-nha làm chủ quần-đảo Mã-lai và lập căn-cứ quân-sự trên doi đất Malacca. Nhiều nhà truyền-giáo dựa vào các cuộc chinh-phục, trong số ấy có Alfonso Taveira là người Bồ-đào-nha đầu tiên đã đề chân lên hải-đảo Timor vào năm 1515. Thuộc-địa Bồ-đào-nha (hải-đảo La Sonde) gồm có cù-lao Timor, Solor, Adonara và Florès. Trung-ương chính-trị đặt tại Larantuca trong quần-đảo Florès.

Năm 1580, Bồ-đào-nha và Tây-ban-nha hợp-nhất. Hà-lan trước đã cùng Tây-ban-nha gây cuộc binh-đao, bèn chiếm doi đất Malacca của Bồ-đào-nha. Theo sau cuộc thất-bại vào năm 1588, của Armada là một vị tướng-quân vô-địch, nước Bồ-đào-nha được độc-lập nam 1640, nhưng không khôi-phục lại được các thuộc-địa đã mất.

Năm 1661, Chính-phủ Bồ-đào-nha và Công-ty Ấn-độ miền đông ký hợp-ước rộng quyền cho Chính-phủ Timor: Hải-đảo Solor và Timor trừ Koepang của người Hà-lan chiếm được từ năm 1619 đều ở trong phạm-vi cai-trị của Chính-phủ Timor.

Năm 1667, Chính-phủ đóng tại Lifan là nơi mà từ 1520, người Bồ-đào-nha đã di-cư đến và dựng một pháo-đài rất kiên-cố.

Đến năm 1796, Chính-phủ lại rời đến Dili cho tới ngày nay.

Trong thời-kỳ ấy, các nhà truyền-giáo Bồ-đào-nha hết sức bành-trướng thế-lực và tìm các phương-pháp mở mang cho quần-đảo.

Năm 1701, Antonio Gaeirre Coelho là viên Toàn-quyền thứ nhất được Phó-vương Ấn-độ Bồ-

đào-nha cử sang cai-trị Timor, bèn đem Timor sáp nhập vào Đế-quốc thuộc-địa Bồ-đào-nha, và rút hết thế-lực của các nhà truyền-giáo đã gây được trong xứ.

Người Hà-lan, khi ấy, được đảo-trưởng Ternate cấp cho nhiều đất-đai, bèn nghĩ đến việc cướp đảo Timor của Bồ-đào-nha. Trong hai năm 1719 và 1731, xảy cuộc xung-đột giữa Hà-lan và Bồ-đào-nha. Đã một phen, Bồ-đào-nha chỉ còn Lifan, nhưng nhờ có binh-cứu-viện của Chính-quốc, nên Bồ-đào-Nha thắng-thế, lấy lại được các nơi đã mất vào tay quân địch.

Năm 1749 Hà-lan vẫn giữ nguyên được Koepang, nhưng đến 1797 quân Anh lại lấy mất Koepang. Sau người Anh bị dân bản-xứ đánh đuổi, mãi đến 1810, 1811, người Anh mới trở lại xâm-chiếm những đất-đai thuộc Hà-lan. Tuy vậy, được ít lâu, Anh lại trả lại Hà-lan tất cả các nơi chiếm đóng.

Năm 1818, Hà-lan lại chiếm Ata Poe Poe của Bồ-đào-Nha.

Năm 1820, Bồ-đào-Nha tuyên bố kết liễu những việc đã xảy ra giữa Hà-lan và Bồ-đào-Nha và hai bên vẫn giữ nguyên những đất-đai đã chiếm được từ trước khi ấy. Rồi khởi lên vấn đề phân chia địa-giới từ năm 1820. Sau nhiều cuộc đàm-phán rất phiền phức khó khăn, Hà-lan và Bồ-đào-Nha ký hợp-ước Lisbonne vào năm 1859.

Đất của Hà-lan gồm một phần địa-hạt Timor và nhiều đảo khác, tất cả có 250 nghìn người. Phần đất thuộc Bồ-đào-Nha chia làm 50 xứ do thổ-dân cai-trị, có 537 nghìn dân. Kinh-đô của thuộc-địa Hà-lan là Koepang và kinh-đô thuộc-địa Bồ-đào-Nha là Doli.

Được ít lâu, xảy cuộc xung-đột tại biên-giới, nên năm 1904, Hà-lan và Bồ-đào-Nha ký hòa-ước định lại địa-giới như ngày nay.

Đến giữa thế-kỷ thứ 19, tại Timor, có cuộc xung-đột giữa chính-phủ và các nhà truyền-giáo. Cuối thế-kỷ thứ 19, trong xứ có nhiều cuộc nội-biến kéo dài đến 1912.

Trong thời-kỳ ấy, Timor trước thuộc Ấn-độ Bồ-đào-Nha lại về dưới quyền viên Thống-đốc Macao.

Timor được thịnh-vượng như ngày nay là nhờ Jose Celestino Da Silva, trong khi cầm vận-mệnh đất này từ 1894 đến 1906 đã đặt lại nền-tảng xã-hội, bình các cuộc nội-biến do thổ-dân gây nên, cải-tổ việc chính-trị và mở mang nền kỹ-nghệ là những việc rất khó khăn trong thời-hấy giờ.

Filomeno Dacamara sau khi kế chân Jose Celestino Da Silva lại gắng công khuếch-trương nền kỹ-nghệ, nên trong vòng sáu năm, trong đảo rất phát-đạt.

Năm 1896, Timor thoát-ly Chính-phủ Macao và theo chính-sách tự-trị.

Năm 1926, cuộc tự-trị ấy được chính-quốc Bồ-đào-nha công-nhận.

Timor trước thuộc quan binh cai-trị mãi đến năm 1934 mới về dưới quyền các quan văn. Từ đó trong xứ được thái-bình thịnh-trị.

Người Bồ-đào-nha chiếm được 19 nghìn cây số vuông về miền đông đảo Timor. Khí-hậu Timor theo ảnh-hưởng gió mùa, mây chạy từ Ấn-độ-dương lại làm thành mưa trên hai bên sườn núi giữa đảo. Miền duyên-hải phía nam ẩm-thấp và nóng Miền rừng núi cao tới 1200 thước tây hơn mặt bể, khí-hậu ẩm-áp và ẩm-thấp.

Năm 1936, Timor có 460.588 người (24 người trên một cây số vuông).

Thổ-dân có tất cả 456 nghìn người, giống như dân xứ Paponasie (Nouvelle Guinée) và Úc-đại-lợi. Người rất chóng già và trẻ con sơ-sinh thường chết hại rất nhiều. Dân-cư không hợp thành bộ-lạc và không biết giồng-giọt theo phương-pháp mới.

Đạo Gia-tô bành-trướng tại các thành-thị và miền duyên-hải, còn dân trong xứ vốn sẵn có một tôn-giáo từ xưa.

Người ngoại-quốc kiều-cư tại Timor có 510 người Âu-châu, 490 người Bồ-đào-Nha, 2000 người

Trung-hoa, Ấn-độ với Ả-rập, 300 người da đen, 600 người lai và 10 người Nhật-bản,

Những thị-trấn to đều đặt trên miền duyên-hải phía bắc như Dili, Vila de Manatuto, Vila Salazar và Vila Nava Malaca.

Dila là một thương-khẩu to nhất của Timor, với 2000 dân-cư, lại có bệnh-viện, có đài vô-tuyến-điện.

Timor của Bồ-đào-nha sản-xuất cà-phê rất thơm, cao-su, cacao và

ngô, gạo là hai thứ thực-phẩm thiết-yếu của thổ-dân. Cho nên hiện nay, Chính-phủ đương khuyến-trương công-việc vệ-nông, để tăng số sản-xuất ngô, gạo. Ngoài ra, trong xứ lại giống thuốc lá, bông.

Dưới đất, có mỏ đồng, mỏ vàng, mỏ dầu hỏa. Mỏ vàng ở phía nam núi giữa cà-lao. Mỏ dầu ở phía đông hải-đảo.

Trong mùa tạnh ráo, trong xứ có thể thông thương bằng 900 cây số

đường bộ. Dili là kinh-đô Timor của Bồ-đào-nha liên-lạc với Koe-pang) kinh-đô Timor của Hà-lan do một con đường dài 480 cây số,

Timor giao-thông với các nước trên thế-giới bằng đường thủy và đường hàng-không trên mặt Thái-bình-dương.

Sau khi Nhật khai chiến với Anh-Mỹ, người Anh và Hà-lan vẫn lo một cuộc tấn-công vào đảo Timor.

Việt-Nam được-học

Của ông Phó-đức-Thành trong bộ biên tập hội Y-học Trung-kỳ soạn
Ông Phó đức-Thành, quan lý vĩnh viễn hội Y-Học Trung-kỳ, là một nhà chuyên khảo-cứu về thuốc Nam đã mấy chục năm nay, có lẽ đồng bào ta không mấy người là không biết tiếng.
Nay ông đem những sự kinh nghiệm viết ra bộ

Việt-Nam được-học

này thật là một sự ích lợi cho quốc-dân ta không phải là nhỏ vậy, nhất là lúc đương khan thuốc như lúc này.
Sách soạn theo phương pháp thực hành để phòng khi cấp cứu ai coi đó cũng có thể chữa được. Và lại những cây mà ông nghiên-cứu toàn là những cây mà ta thường thấy giống ở chung quanh mình ta cả.
Thật là một bộ sách cần thiết cho :

mọi người và mọi gia-đình

Việt-Nam được-học

In làm 12 cuốn dày trên dưới 2.000 trang. Mỗi tháng sẽ in ra một cuốn làm hai loại :
Loại giấy thường bán từ 0p.60 đến 1p.00
Loại đặc biệt thuần Dó bán từ 2p.00 đến 5p.00 tùy theo dày mỏng.
Cuốn thứ nhất (in lại lần thứ hai có sửa chữa và thêm nhiều điều thực nghiệm của độc giả) đến trung tuần tháng Décembre 1941 sẽ có bán, rồi cứ 40 ngày lại có cuốn sau. Khi bộ :

Việt-Nam được-học

in xong cả 12 cuốn sẽ đóng làm 4 tập và sẽ bán :

Loại giấy thường từ 10p.00 trở lên.

Loại đặc biệt thuần Dó từ 30p.00 trở lên.

Mua trả tiền trước rất rẻ

Những ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Décembre 1941 thì phải trả có :

Bản giấy thường 8p.00 } và không phải

Bản thuần Dó 10p.00 } chịu cước gửi

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Janvier 1942 thì phải trả có :

Bản giấy thường 7p.00 } và cũng không

Bản thuần Dó 12p.00 } phải chịu cước gửi

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 thì phải trả có :

Bản giấy thường 7p.00 } nhưng phải chịu cước

Bản thuần Dó 12p.00 } gửi mỗi cuốn 0p.16 tức

là phải thêm 1p.92 nữa

Như vậy ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước ngày 31 Janvier 1942 được.

lợi hơn 1p.92 tiền cước và 5p.00 sách tức là lợi hơn 6p.00

về loại giấy thường 15p.00 về bản đặc-biệt thuần Dó

Ngài nào muốn mua thử một cuốn xin gửi .

Bản giấy thường 0p.80 } cả cước gửi

Bản thuần Dó 2p.00 }

Mua một bộ sách như bộ :

Việt-Nam được-học

đề trong nhà, không những là các ngài đã nuôi được một ông lang giỏi mà thôi, nhưng chính là các ngài khuyến khích một người Việt-Nam đầu tiên đã chịu hy sinh quá nửa đời người để nghiên cứu về thuốc Nam vậy.

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho

Nhà in MAI-LINH Hanoi

Là nhà đã nhân xuất-bản các sách thuốc của hội Y-Học Trung-kỳ

— Môn, Lào, Nam, Bắc,
Trung ; Hai năm triệu một
lòng ; Khai-hóa có Đại-Pháp ;
Văn - minh mở Lạc - Hồng.

Tân Đà

— Khai - hóa có Đại - Pháp ;
Văn-minh đường không xa.

Tân Đà

— Nước giếng uống đỡ khát ;
Bóng cây ngồi râm mát ; Ở
cây mong càng cao ; Ở giếng
mong đừng cạn

Tân Đà

Trung-tuần Décembre 1941, hai đạo quân Úc-đại-lợi (thuộc-quốc Anh) và Hà-lan đã đổ-bộ lên đất Timor của Bồ-đào-nha, lấy cớ để giữ nguyên-vẹn đất-đai và ngăn-cản không cho địch quân dùng xứ ấy làm căn-cứ quân-sự để tấn công vào các nước đồng-minh và các đường giao-thông.

Viện Toàn-quyền Timor của Bồ-đào-nha ngăn-cản không cho quân đổ bộ, nhưng vì không đủ lực-lượng đề kháng, nên phải để cho quân Anh và Hà-lan tự-do kéo lên hải-đảo. Tuy vậy, dân-cư trên đảo vẫn yên ổn làm ăn.

Viện Toàn-quyền Timor bèn đánh điện-tín phản-kháng với Thủ-tướng Úc-đại-lợi và Toàn-quyền Nam-dương quần-đảo.

Quân-đội Anh và Hà-lan đổ bộ lên đảo Timor hình như theo một hợp-ước sắp ký về việc phòng-thủ chung, đề chống với một cuộc ngoại-xâm.

Vì vậy, sau khi ấy, Chính-phủ Bồ-đào-nha đã tìm hết phương-pháp để duy trì nền trung-lập : qua nhiều cuộc đàm-phán gần đây, Bồ-đào-nha đã đem quân đến Timor để phòng-thủ đảo này thay cho quân Úc và Hà-lan.

Cao nên, có tin quân Úc-đại-lợi và Hà-lan đã bằng lòng rút khỏi đất Timor để trả lại thuộc-địa này cho Bồ-đào-nha tự phòng-thủ lấy nhờ thế mà trong khi ngọn lửa chiến tranh đang lan rộng trên mặt Thái-bi-ah-dương, quần - đảo Timor vẫn giữ được nguyên tình-thế.

NHẬT-NHÂM

Tin văn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Theo nghị-định quan Toàn-quyền vừa ký thì các thứ sửa khác được tự do bán, trừ mấy thứ sau này :

Nestlé, Wondes. Blue Cross, Bébé hollandais, Le Gosse, Libbys.

Quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã ký nghị-định những đất có làm nhà hay không làm nhà ở khắp các tỉnh từ năm 1942 này trở đi đều phải chịu thuế cả.

Kể từ 1er Juillet 1942 phạm ai muốn thi vào các công sở đều buộc phải dưới 35 tuổi và phải có bằng Thê dục đủ những điều kiện sau này :

Chạy 100 thước chỉ mất 15 giây 5/10
Chạy 1.000 thước chỉ mất 4 phút 15 giây ;

Nhảy cao được 1 thước 05 ;
Nhảy xa được 4 thước ;
Ném tạ (5 ki lô), xa 10 thước ;
(cộng cả 2 tạ).

Leo giây được 4 thước dây thừng.

Vác và mang nặng 30 ki-lô đi trong 80 thước chỉ mất 30 giây.

Làng cụ Lê-quí-Đôn nay ở đâu ?

Theo Đăng khoa lục (q. 3, tr. 596) thì là làng Diên-hà, huyện Diên - hà (có âm nữa đọc là Duyên hà). Phan Kế-Binh, trong *Nam hải di nhân liệt truyện* (trang 76) cũng nói : « Lê quý Đôn quê ở làng Diên-hà » : Gaspardone, trong *bibliographie annamite* (BEFEO XXXIV, trang 18) cũng chép : « Lê Quý-Đôn était du village de Duyên-hà, du huyện de ce nom ».

Căn-cứ vào những tài-liệu ấy, nên trong *Quốc văn trích diễm* của ông Dương Quảng - Hàm và trong lời tiêu-chú bài *Một số những nhà học thức ta xưa không phải không có óc phê phán* của bạn Hoa-Bằng (T.T. số 31, trang 4) đều nói là « làng Diên-hà » cả.

Vậy ta có thể tin rằng, về hồi sinh thời cụ Quế-Đường, tên làng cụ là « Diên-hà ». Duy tên làng ấy, từ bấy đến nay, đã thay đổi, nên hiện nay,

Thống-chế Pétain

đã nói :

« Một phần bị đầy ải, với phần tự do còn lại để gánh vác tất cả nghĩa vụ, ngày nào tôi cũng gắng công cứu nước khỏi nỗi tắc thở hung dữ và sự biến động đón chờ. Vậy thần dân hãy giúp tôi. Hãy hợp thành chuỗi dây và đưa tay cho tôi : hàng ngày nên có những chiến thắng con con và nên gần gũi nhau hơn. Nên đề hy vọng rạo rạt trong tâm. Hợp lại với nhau, chúng ta sẽ đó cơ cứu nước. Đại Pháp vạn-tuế ! »

Tuyên bố

— Kỳ 34 là số xuân Nhâm-ngọ, số trang tăng gấp đôi, có nhiều tranh ảnh, bìa ngoài in 7 màu vào giấy láng rất đẹp, phải làm mất nhiều ngày giờ. Vậy 2 tuần chập làm một, số báo ấy sẽ ra vào ngoài 20 ta.

— Số 35 đúng ngày thứ tư 18 Février (mồng 4 Tết) sẽ phát hành.

ở huyện Diên-hà tỉnh Thái - bình, không có làng nào tên là Diên - hà nữa, chỉ ở huyện Đông-quan cũng tỉnh ấy có một xã tên là Diên-hà, nhưng xem địa-đồ thì huyện Đông-quan xa cách huyện Diên hà, không có lẽ xã Diên hà trước thuộc huyện Diên hà nay lại sáp nhập huyện Đông quan được.

Chúng tôi có hỏi vài người thì họ cũng bảo quê cụ Lê hiện nay là xã Phú hậu. Mà trong bài « *Thận trọng đối với tiền-nhân* » T.T. số 31, tr 10 11), tác giả Tảo Trang cũng chưa « Phú hậu » là « tên làng Lê Quý Đôn » Nhưng có người lại bảo làng cụ Lê bây giờ là xã Hội — kê, xã này và làng Phú — hậu đều thuộc tổng Thượng hộ, huyện Diên hà. Vậy không biết thuyết nào là phải, xin chất chính cùng các bậc thức giả. .

KHÁI-SINH

Độc-giả luận-đàn

Bản-chỉ mở ra mục này để hoan-nghehnh những ý-kiến của bạn đọc. Dưới đây là bài của một bạn đọc bàn về cuộc « phục-hưng quốc-gia », bản chỉ xin cứ đăng nguyên văn để các độc-giả nhàn lãm.

Nhân đọc bài diễn-văn của ông Phạm-Quỳnh Thượng-thư bộ Giáo-dục ở Huế

Đề đi đến cuộc phục hưng quốc-gia nước Tân Việt-Nam

Dã hơn một năm nay, nước Pháp qua một cảnh-ngộ thương tâm. Cái tai-họa ấy gây nên do những sự lầm lẫn đáng tiếc, nhưng ta không nên nhắc-nhở đến làm gì nữa. Vả chẳng sau cuộc đau thương ấy, quốc-dân đã gặp một vị cứu quốc anh-hùng : Thống-chế Pétain, người đã hi-sinh cho Tổ-quốc cả thân-thể lẫn vinh-quang Quốc-trưởng Pháp ngày nay không những trùng-tu lại những nơi bị tàn-phá và cấp-phát lương-thực cho dân-chúng, lại còn lo đến việc phục-hưng quốc-gia.

Dưới cái tiêu-ngữ đề bằng chữ lửa trên lâu-đài Quốc-gia Pháp : Cần - lao, Gia-đình, Tổ - quốc, Thống-chế đã định tổ-chức lại xã-hội trên một nền-tảng mới, không những chỉ riêng ở Pháp mà còn cả ở Đế-quốc nữa.

Vậy dân-tộc Việt - nam ta lại chẳng nên nhân cơ-hội này mà sửa chữa lại cái lâu-đài quốc-gia của ta sao ? Chẳng nên mở một kỷ-nguyên mới để gây nên một đoàn-thề mới : nước Tân Việt-Nam ? nhưng muốn làm một việc to tát như vậy, trước hết ta cần biết ta đã sẵn có những tài liệu gì có thể dùng được để xây đắp cái tương lai kia.

Mấy chục thế-kỷ chung-đụng với người Tàu, văn - minh cổ Trung-hoa đã nhuần thấm ở đây đến khắp các hạng người trong xã hội. Mà khi nói đến văn-minh Tàu tức là nói đến tinh - thần Khổng-giáo.

Mà đạo-giáo của nhà đại hiền-triết ở Á-đông thì lấy trung, hiếu

làm đầu. Con hiếu với cha mẹ, tôi trung với vua. Trong suốt đời, bất cứ hạng người nào, cũng phải có hai tin-tưởng : tận-hiếu, tận-trung. Hiếu với cha mẹ tức là tha-thiết với gia-đình, trung với vua tức là thờ phụng tổ-quốc.

Cái đạo hiếu trung ấy trong thời-kỳ nho-học còn toàn-thịnh, đã được các sĩ-phu thực hành đến triết-đề. Từ con trẻ mới khai tâm cho đến các bậc khoa-hoạn, ai nấy đều phải rèn luyện trong khuôn phép hiếu trung mà đức Thánh Khúc - phụ đã đặt làm nguyên-tắc trong việc giáo-dục.

Loài người sinh ra vốn đề chung sống với nhau, lập thành xã-hội. Lúc sơ sinh con trẻ đã sống trong xã-nội nhỏ là gia-đình. Gia-đình ấy là phần tử của xã-hội lớn, tổ-quốc. Cho nên bao nhiêu bổn phận làm người đều phải lấy đấy làm gốc. Đời cá-nhân tách riêng không có nghĩa gì cả, vì cá-nhân chỉ có thể tồn tại được ở trong phạm-vi gia-đình và xã-hội. Cá-nhân phải uốn mình theo những lệ-tục, tập-quán của đất nước, của tổ-tiên, phải có liên lạc với mọi người đồng-thời.

Không những thế, người ta còn chịu quyền chi-phối của quá-khứ nữa. Chúng ta là người kế-tự của dĩ - vãng, chúng ta được thừa hưởng những sản nghiệp của tiền nhân, bổn phận của chúng ta là phải biết nhớ ơn. Do đấy, ta có sự tin tưởng người đã khuất, có sự tôn-kính những cồ-tục lưu-truyền. Người con không dám có cử-chỉ gì hại đến thanh-danh của ông cha, không dám có hành

động gì trái với luân-thường cũ, như thế không phải là đi ngược lại những tư-tưởng mới vì người ta vẫn có quyền sử-sự theo ý muốn, nhưng miễn là việc làm của mình không hại đến giá-trị, đến nền-nếp của tổ-tiên. Vì thế mà từ xưa, người quân-tử trong đạo Khổng vẫn thận trọng từ giáng điếu đến ngôn-ngữ, ngoài đời công cũng như ở trong đời tư.

Tam-cương (quân thân, phụ tử, phu phụ), ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh) và tam tông (tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử) đã là những tiếng thông thường trong từ-ngữ Việt-nam mà dám bình dân-văn thường nhắc tới

Với một nền lễ giáo chặt chẽ, lấy hiếu trung làm đầu, lấy sự tin tưởng người đã khuất làm trọng, sự bảo tồn thuần-phong mỹ-tục làm quý, xã hội ta đã sản ra không thiếu gì con hiếu, tôi trung, mẹ hiền, vợ đảm.

Những đức tính cao quý của dân tộc Việt-nam có thể nhận thấy rất dễ dàng ở đám dân quê và trong bọn phụ-nữ bình-dân nước nhà. Cần-cù làm ăn, biết kiên - nhẫn khi lâm vào bước khốn cùng, người dân quê Việt-nam đã tỏ ra là có sức sống rất mạnh. Họ không phàn nàn, than thở hão vì những cái không may ở đời, mà trái lại, với bắp thịt hai cánh tay, với bát mồ hôi tưới đất, lúc nào họ cũng tin tưởng vào tương-lai, hi-vọng một ngày sắp tới sáng sủa, đẹp đẽ hơn. Còn đám phụ-nữ thì là cả

một tấm gương hi-sinh, hi-sinh
cho chồng, cho con,

Có con phải khổ vì con

*Lấy chồng phải gánh giang sơn
nhà chồng*

Đây là bốn phận, một công lệ,
họ cúi đầu theo không bao giờ
nghĩ đến thiệt hơn.

Vì chàng thiếp phải bắt cua,

*Những như thân thiếp, thiếp
mua ba đồng*

Vì chồng, vì con, vì gia-đình,
người đàn bà Việt-nam buồn
ngược, bán xuôi, một tay tháo
vát, không những đủ mưu-sinh
cho một nhà, có khi lại còn dựng
nồi cơ đồ là đẳng khác.

Nhất là vào thời xưa, thì các
ông chỉ « nấu sủ sôi kinh » để
chờ kịp khoa, thì công việc trong
nhà cho đến cả nhật dụng chỉ
còn trông vào tài đảm đang của
các bà. Nhà thi sĩ của non Côi,
sông Vị, ông tú Xương, đã từng
nhờ tài buôn bán của bà tú mà
một gia-đình đông đúc được no
ấm.

*Quanh năm buôn bán ở men
sông,*

*Nuôi đủ năm con với một
chồng...*

Nhờ về những đức tính di-
truyền, kiên nhẫn, cần-lao, nhờ
về sức sống mạnh mẽ, quan-niệm
về gia đình, tổ-quốc, mà dân-tộc
Việt-nam đã có những trang oanh
liệt trong lịch sử, mở mang được
bờ cõi và tồn tại đến ngày nay.
Nhất là đối với dân tộc Trung-
hoa, trong mấy nghìn năm chung
đụng mà không bị giống người
Tàu mạnh mẽ, đông đúc kia đồng
hóa ! Trái lại, dân-tộc ta còn
Nam tiến, tiêu diệt được cả giống
người Hời và phía Bắc đã từng
phen tranh hùng với láng giềng
to lớn hay gây sự. Quân Nguyên
của Thành Cát Tư-Hãn với những
tay kỳ mã tuyệt-luân, với những
thế trận chớp nhoáng, đã thu

phục gần khắp Á-châu với cả
một phần Âu-châu, đi đến nơi
nào thì trúc chẻ ngói tan, thế mà
đã bị thất-diên bát-đảo với quân
tướng nhà Trần. Nào Lý Thường
Kiệt đã có hồi rong ruổi trong
đất nước Tàu, nào vua Quang-
Trung đã có dịp cả phá quân
Thanh, biết bao chiến-công đã
làm rạng rỡ giống nòi. Hăm hở
sống, thích chiến đấu, yêu đất
nước, tha thiết với quê-hương,
thêm có đức cần lao, có trí kiên-
nhẫn, ta đã được thừa hưởng
của ông cha ta rất nhiều đức
tính can hệ đến sự tồn vong của
một gia tộc.

Ngoài những đức tính của
giống nòi, ta còn có cái may hơn
nữa — cái may mắn mà ta không
nên bỏ qua : sự tình cờ của lịch
sử đã run rủi cho xứ này đặt
dưới quyền bảo-hộ nước Pháp.
Sau nửa thế-kỷ chung sống,
hai dân-tộc đã hiểu biết nhau,
dây thân ái ngày thêm ràng
buộc và hơn hết lúc nào, nay
chính là thời-kỳ Pháp-Nam cần
phải đoàn-kết chặt chẽ lấy nhau,
vì theo lời quốc-trưởng Pétain :
« Pháp-Việt đồng tâm là điều cốt
tủ cho cuộc tương lai của Đông
Pháp, »

Mà thật thế, nền văn minh Tây
phương mà Pháp là tiêu biểu
đã có ảnh hưởng rất sâu xa ở
đây, đã bồi-túc nhiều cho nền văn
minh cổ của Việt-Nam, đề thích
hợp với thời-đại mới. Xét lại
lịch-trình tiến-hóa của dân-tộc
ta, ta có thể nói mà không sợ quá
đáng rằng ta nhuần thấm trong
nửa thế kỷ văn hóa của Pháp
bằng nghìn năm đô-hộ của Tàu.
Đang theo một đà nhịp nhàng
mà tiến-bộ, ta phải thành thực
mà đồng-lao cộng-tác với người
Pháp, cũng như người Pháp
thành thực mở mang cho ta.

Ta đã chịu những ảnh hưởng
gì của văn minh Pháp ?

Trước hết, cái lễ giáo khắc khổ
của ta tuy nó giúp ta bảo tồn
được những cổ-tục, thuần phong
quí hóa, nhưng nhiều khi nó
đã trói buộc ta chặt-chẽ quá,
khiến ta không phát-triển được
hết năng-lực của mình. Ta làm
việc bốn phận một cách giữ gìn,
dè dặt, với nhiều nỗi lo âu vì
ta còn phải bó buộc theo đúng
khuôn-phép của lễ-giáo. Cái tính
vui vẻ hồn-nhiên trong khi làm
việc của người Pháp đã khiến
cho ta biết ham thích, mê-mải
đuổi theo sự-nghiệp to tát, đã
khiến ta nhìn đời bằng con mắt
lạc-quan. Công việc ta thấy nhẹ
nhàng, tâm thần ta thấy thư thái
và sau mỗi buổi chiều, khi óc
ta không bận nghĩ, tay ta không
bận làm nữa, ta thấy ngay một
cuộc nghỉ ngơi dễ chịu, bồi bổ
và an tâm đợi ngày hôm sau.

Trong sự vui vẻ ấy ta còn
nhận thấy tinh thần trật tự và
minh bạch nữa. Mà thật thế,
từ tiếng nói cho đến các tác
phẩm chuyên môn hay khảo cứu
của Pháp, ta đều nhận thấy cái
luận lý sáng suốt của Descartes
sự minh bạch cò điển mà Boileau
đã từng ca-tụng. Nhờ có tinh
thần ấy mà óc thực tế dễ nảy nở,
trông cái gì là phân tách, thấu
hiểu ngay, không lơ mơ mà cũng
không an-nhàn thái quá. Người
Pháp biết thưởng thức những ý
nghị của sự trào phúng, cái duyên
dàng của lòng từ thiện, sự
dẫn-dị của cử-chỉ và sự thanh
cao của tư tưởng. Từ Bossuet đến
Lacordaire, từ Descartes đến Berg-
son, nhà văn cũng như nhà triết
học, ai nấy đều chung những
quan-niệm ấy, biểu hiện những
đức tính cao quý của giống nòi.
Từ những bài về hồi Trung cổ
cho đến các tác-phẩm của những
nhà văn trào-phúng, cận-đại,
văn-chương Pháp đầy rẫy những
trang diễm, ngộ nghĩnh mà

trí quan sát tinh-tế đi đôi với sự hài-hước thanh tao. Chịu ảnh hưởng của tinh thần Pháp ấy trên ghế lớp học cũng như ở trường đời, thanh-niên ta đã vui vẻ, hăng hái, mạnh bạo, hùng dũng đầy tin-nhiệm ở tương lai. So sánh bạn trẻ nước ta ngày nay với bạn trẻ hồi bốn, năm mươi năm về trước, ta sẽ nhận chân thấy sự cách-biệt nhau quá xa. Bị trói buộc trong những lễ nghi phiền phức, khắc khổ, nửa thế kỷ trước, xã-hội ta đã sinh xuất ra nhiều anh-tai lỗi-lạc; song cũng đào tạo ra những thanh niên kém hoạt bát, không rắn rỏi, không dám thẳng thắn biểu lộ tính tình. Còn thanh niên hiện thời với những thân thể nở nang vì ham chuộng thể-thao, với những cử chỉ hiện-gang, mạnh rạn những tư-tưởng phóng khoáng, tự do vì được huấn luyện theo tinh-thần Pháp, thanh-niên ta là một sức mạnh, có tài tháo vát, có trí sáng kiến, biết tự lập cũng như ưa mạo-hiêm.

Nói đến trí tự-lập thì xưa kia phần nhiều người nước ta hầu như không có. Từ bé quen ỷ-lại, ta sống một cuộc đời phăng lạng, không dám đề cái bông bột của tuổi trẻ đưa dẫn ta đến những con đường xa lạ; không dám ra ngoài khuôn khổ thường-lệ, theo đúng chí nguyện của ta. Do đấy, trí sáng-kiến không phát-biểu ra được mấy. Cái gì mà ông cha đề lại ta trân trọng giữ lấy đã đành, nhưng ta không mấy khi dám cải cách làm cho hoàn thiện lên; vì ta nhiều khi lầm rằng trong phạm-vi luân-lý cũng như trong phạm-vi thực-tế, những điều của tiền nhân đã nghĩ ra, những cái mà tiền-nhân đã sàng chế ra đều bất di dịch, ta chỉ việc nhắm mắt mà theo, mà

giữ giữ lấy. Cho đến cả trí mạo-hiêm, một đức tính thông thường của mọi thanh-niên Tây phương, ta cũng không có mấy. Xưa kia, ngoài lũy tre quanh làng ra, ta không còn biết đến việc gì đã xảy ra ở nơi khác, vì đấy là thiên hạ rồi. Ta sông quanh quẩn trong gia-đình, cho sự đi xa nhà là nguy hiểm. Câu « xây nhà ra thất nghiệp » đã là câu đầu lưỡi của mọi người thích cái sống eo hẹp nhưng yên-ôn, không biết yêu mến những cảnh cao rộng bao la của tạo vật, không biết hưởng cái thú mới lạ, say sưa của tình-cờ. Đề bào chữa cái tính nhút nhát ấy ta thường nêu ra câu cách ngôn cổ hủ: « Phụ mẫu tại đường, bất khả viễn du »

Nhờ tiếp xúc với người Pháp, thanh-niên ta đã nhlẽm được những đức tính cần cho đời sống hoạt động, thích hợp với buổi đời mới. Bạn trẻ ở nước ta ngày nay phần nhiều đã biết tự lập, theo đuổi chí hướng của mình, không sợ giống tổ, không chịu núp mình theo khuôn khổ của ông cha như dòng nước lặng lẽ chảy xuôi. Họ biết tháo vát, họ biết lợi dụng thời cơ, ham mạo hiêm, nẩy trí sáng kiến. Họ lại nhờ có cái luân lý của đạo G a-tô mà biết âu yếm nhau, biết vui-vẻ làm điều thiện và tránh-xa những sự bỉ-ôì ở đời. Văn-minh Pháp đã cải cách tinh thần họ rất nhiều mà không đi trái ngược lại nền luân lý cổ-hữu ở đây.

Trong địa-hạt văn học và mỹ-thuật cũng vậy, nước Việt-Nam đã tiến bộ một cách vững vàng, một phần nhờ về đã sẵn có một cái « vốn » do văn-minh Trung-hoa và cái tinh thần Nho-giáo của mấy nghìn năm đô-hộ tạo nên, một phần do những đức-tính thông minh cần-cù của dân

tộc, và lòng khoan dung đại-độ của chính-phủ Pháp.

Thật thế, văn-học gần đây nhờ có chữ quốc-ngữ của cha De Rhodes sáng lập ra mà phổ cập khắp nơi. Các báo chí các tiểu thuyết đều tăng tiến về lượng lẫn phẩm. Những cây viết cận-đại đã mô-phỏng cách hành văn của các danh sĩ Pháp mà từ phóng-sự cho đến truyện ngắn, truyện dài, luận đề tiểu thuyết, lịch sử, ký sự đã sản xuất được nhiều tác phẩm đáng chú ý. Trong những áng văn gần đây ta nhận thấy phảng phất cái dịu-dàng của Racine, cái diễm của La Fontaine, cái trào-phúng ý nhị của Psichari Péguy, Mauras, Georges Goyau, cái hùng hồn của Bossuet, Corneille, cái luận lý của Descartes, Pascal, cái mau lẹ, dễ dàng của Coppée, Verlaine, Huysmans, Bourget. Tóm lại, văn học của ta âu hóa một cách mạnh mẽ, tiến ngày ngàn dặm và hứa hẹn một tương lai vô cùng sản-lạn.

Về khoa học thì nước Pháp với những danh nhân bác học đã có công to với nhân loại, danh lừng vũ trụ như Berthelot, Pasteur, Curie, thật là một ông thầy hay, bạn giỏi của ta. Trường cao-đẳng khoa học mới mở, trường Y khoa. Bào-chế, Nông-lâm đã tạo và sẽ tạo cho ta những bác-sỹ, kỹ-sư tối cần trong cuộc đời mới và rồi mai ngày đây, khoa-học sẽ phổ cập đến khắp hết mọi hang cùng ngõ hẻm và sẽ giúp cho đời sống của dân ta ngày thêm thanh-thả.

Về mỹ-thuật thì thật là một công trình phục hưng. Trường Cao-đẳng Mỹ-thuật đã chung đúc bao nhiêu nghệ-sĩ có tài, chịu găng công tìm tòi, phô diễn cái đẹp, một cái đẹp có tính cách Á-đông và đặc biệt của dân tộc

Việt-nam. Những kiến-trúc-sư xuất thân trường Cao-dẳng kiến-trúc đã sửa sang tô-diêm lại những căn nhà cổ, tạo tác những lầu-dài dinh-thự theo sự thuận tiện của đời khoa-học, khiến cho ở thị thành đã có những phố rộng rãi khang trang, những ngôi nhà khang trang, những ngôi nhà dóm dáng với những đường thẳng dẹt dẹt đẹp mắt ; ở thôn quê những nơi biệt thự sáng sửa ươm nhìn, thích hợp với sự nhu cầu phức tạp của dân quê, mà lại không thiếu vệ-sinh, tiện-lợi.

Cho đến cả âm - nhạc, kịch-trường, cách phục sức cũng chịu ảnh hưởng của Tây phương và đang có những cuộc cải cách quan trọng.

Nước Pháp đang phục hưng và với sự minh mẫn của Thống chế Pétain. trong một thời gian gần đây, Mãn-quốc sẽ được cải tạo đến triệt-đề và thân hồi sự hùng cường mà vì nhất thời lầm lỡ đã chịu la mớ trong chốc lát. Đông-Dương ta, một phần tử của Đế-quốc, cũng sẽ được cải-tạo. Với một tinh-thần quốc-gia mạnh mẽ vốn sẵn có, với sự diu-dắt sáng suốt của Chính-phủ Bảo-hộ, với ảnh hưởng của một nền văn minh đã từng là tiên - biếu cho nhân - loại, ta hãy vững tin ở tương-lai của Tổ-quốc và mong mỗi một ngày gần đây ta sẽ cùng chen vai thích cánh với mọi dân tộc mà không chút hồ thẹn, ngại ngùng. Song chúng ta không được ngồi khoanh tay mà trông đợi cả ở sự tận tâm của Chính-phủ. Vì dù tha thiết đến nhân dân, Chính-phủ cũng không thể làm hết được mọi việc, mà chỉ có thể mở đường cho ta đi theo hướng dẫn và nâng đỡ ta thôi. Nếu ta thờ ơ lãnh-dạm, không chịu tiến, không chịu nỗ-lực mà bước lên, thì sự

diu dắt kia cũng đến uổng công. Vậy ta phải thích cánh và cùng nhau phấn khởi đi lên con đường tiến hóa. Nhưng ta không nhắm mắt bước liều, ta hiểu biết cái văn-minh chân chính để tránh những sự lầm-lẫn thô-bỉ. Nhiều người đã chẳng lên tiếng hô hào ta quay lại với những thuần-phong mỹ-tục của cổ-nhân như chúng ta đã xét đến ở mấy trang trên

sao ? Song ta không nên chỉ nhìn lại cái quá khứ mà thôi, ta còn cần thân-thái cả cái văn minh Âu-Tây của nước Pháp mang đến cho ta nữa, ngõ-hầu mới lập được một nền-tảng vững-trãi và hoàn-bị một nền tảng xứng đáng với nước Tân Việt Nam và sự mong mỏi của quốc dân.

NAM-TÚ

Tết Táo-quân

VỀ đời thượng cổ, chưa có lửa, người ta phải ăn sống nuốt tươi như giống thú vật. Dần về sau mới biết đánh đá lấy lửa để nấu thức ăn, nên rất quý lửa, ngày đêm chăm lo gìn-giữ chỉ sợ lửa tắt đi thì dù chẳng chết cũng khổ. Lửa đã trọng như thế tất là coi như thần, rồi bởi đó thành ra có sự thờ thần lửa.

Kinh Phệ-đa (Védas) chép rằng : 4000 năm trước Thiên-chúa giáng sinh, những tù-trưởng Lạt-ma (Rama) ở phía bắc Tây-tạng (Tibet) đã thờ hỏa-thần gọi là A-chi-ni, (Agni). Mỗi khi hành lễ, vào lúc bình-minh, họ họp cả bộ-lạc ở dưới cái chân đồi nhỏ ; một vị thầy cả trong phái bà-la-môn (brahmane) truyền đốt củ thơm, rồi tiến đến trước đồng lửa, giơ tay mà nguyện rằng : « Hỡi A-chi-ni, tia sáng của vàng thái-dương, ngọn lửa thiêng và trong sạch, nấu mình, ăn bóng trong những thân gỗ, theo khói mà lên cao ở trước bàn thờ này xin nhận lán tấm lòng chân thành, chất phác của chúng tôi cầu nguyện. » Dứt câu ấy, một người đệ-tử đổ rượu vào ngọn lửa thế là lễ thành. Lễ này cũng có khi cử-hành ở trong gia-đình, chỉ cần người gia-trưởng chủ lễ và người mẹ rót rượu cúng.

Sự thờ hỏa-thần dần dần lan khắp

châu Á cho đến ngày nay những khi tuần tiết và gổ chạp ta thường cúng thần bếp (Táo-thần) hay còn gọi là vua bếp (Táo-quân) Đối với những người có óc dị-đoan, ông Táo là vị thần rất trọng, soi xét mọi việc hành-vi của từng nhà, hằng năm, ngày 23 tháng chạp lên châu Giới, tâu hết việc lành việc dữ ở chốn nhân-gian, đến ngày 30 lại về hạ-giới. Hôm « Táo-thần triều-thiên » gọi là tết ông Táo hay nói cho có văn vẻ tết Táo-quân, người ta bày ra cúng lễ, thường dùng ba cỗ mũ, một cỗ bà, hai cỗ ông là do ở sự tích sau này :

Xưa có hai vợ chồng nhà kia nghèo quá phải bỏ nhau. Người vợ về sau lấy được chồng khác giàu có sung sướng. Một hôm đang cúng vái ngoài sân, thấy có người đến ăn xin, nhìn kỹ lại thì là chồng cũ, động lòng thương, đem tiền bạc ra cho. Chồng nghi cho vợ có ngoại tình ; vợ sấu hổ đâm đầu vào đồng mã đang đốt mà chết. Người chồng cũ cảm tình ân nghĩa cũng đâm đầu vào lửa chết. người chồng sau thương vợ chết oan, cũng nhảy vào chết nốt. Thượng - đế thương ba người cùng chết về nghiệp lửa, bèn phong cho làm Vua bếp.

VÂN-THẠCH

Ngài nào mua báo chưa trả tiền, xin kíp gửi mandat về giả ngay cho. Đa tạ trước

SỐ 9

TIÊU-THUYẾT DÀI

THOÁT CUNG VUA MẠC

CHU-THIÊN viết

TRỊNH-HỒNG nghe đoạn, ngẫm nét mặt dăm-dăm nghĩ ngợi, rồi ngẩng lên nói với sư-cụ và Liên-Tường tiểu-thư rằng :

— Việc này kẻ cũng khó. Vì phải đương-dầu với Nguyễn-Tân, mà Nguyễn-Tân thì Mạc-Vương đương nề dụng. Nhưng không ngại, tôi sẽ hết sức lựa chiều nói với Mạc-vương, tôi dám chắc thế nào cũng chu-toàn được. Có điều này tôi phải nói với sư-cụ và tiểu-thư trước :

Việc này không phải một ngày mà xong xuôi ngay được. Phải nói gần nói xa cho Mạc-vương nghe ra dần-dần, rồi lúc nào ngài thư thả vui vẻ ta chộp lấy cơ hội mà nói trắng ngay ra thì làm gì mà chả được. Tiểu-thư nghĩ có phải ?

Liên-Tường cúi đầu thổ-thẻ đáp :

— Bẩm đại-quan dạy chí lý lắm.

Trịnh-Hồng vui vẻ hăng-hái tiếp :

— ... Phải, như thế ít ra là phải mười ngày. Trong mười ngày mà tôi cứ đi lại đây luôn đề báo tin tức cho tiểu-thư hay bàn bạc với tiểu-thư một mưu kế gì, tôi sợ người ngoài người ta sinh nghi mà khám phá ra công việc của ta thì nguy cả cho tôi và tiểu-thư. Chỉ bằng tiểu-thư lại ở thẳng ngay đằng nhà tôi, ngày ngày tiểu-thư bảo mấy đứa trẻ, thì không còn ai để ý gì nữa, mà

công việc bàn bạc rất tiện. Đây là tôi thành thực giúp tiểu-thư được việc chứ không có gì khác, tiểu-thư đừng nghi ngại mà oan cho tôi. Nếu tiểu-thư bằng lòng, mai tôi bảo tiện-nội (1) lại đón.

— Dạ !

Cái ý định ấy đột-ngột quá, Liên-Tường không kịp nghĩ đến, và đương lúc ruột gan rối bời, nàng không dám nhận và cũng không dám chối, chỉ dạ một tiếng rồi ngồi im lặng. Trịnh-Hồng quay lại hỏi sư-cụ.

— Bạch sư-cụ, cụ tính thế có được không ?

Sư-cụ cũng đang trầm-ngâm nghĩ ngợi về việc ấy, vội vàng đáp :

— Dạ, đại-quan dạy thế kẻ cũng phải. Ở chùa này đi lại nhiều, người ta sinh nghi ra thật.

Trịnh-Hồng đắc ý cười ha-ha mà rằng :

— Đây, sư-cụ cũng cho ý định ấy là phải, tiểu-thư cũng nên bằng lòng đề khỏi oan cho lòng ngay thẳng của tôi...

Liên-Tường chưa biết giả nhời thế nào thì may sư già đỡ lời hộ :

— Vâng, đại-quan dãi hết lòng thương, bần-tăng và tiểu-thư đây đều nhận rõ. Nhưng công việc đến gấp quá, tiểu-thư chưa kịp nghĩ đến. Vậy xin đại-quan thứ cho tiểu-thư đến mai, tiểu-thư đủ thì giờ suy-nghĩ... Rồi chả trông cậy vào đại-quan thì còn biết nương nhờ đâu cho được...

Trịnh-Hồng vui vẻ đứng lên

tươi cười nói :

— Vâng sư-cụ đã dạy thế, thì xin để đến mai tôi và tiện-nội, chúng tôi lại đến. Bây giờ tôi xin lỗi sư-cụ và tiểu-thư đề về kéo muộn. Tiểu-thư nghĩ kỹ đi nhé. Thôi chào sư-cụ, chào tiểu-thư.

Liên-Tường vội lấy :

— Xin đa tạ đại-quan, bái tiễn đại-quan hồi dinh.

Sư-cụ tiễn Trịnh-Hồng ra đến cổng còn ân-cần dặn :

— Xin bái tiễn đại-quan, đại-quan cố lưu tâm giúp, tiểu-thư thế nào chả phải nghe theo đại-quan.

III

Liên-Tường tiểu-thư đã thuận về nhà riêng Trịnh-Hồng đề mong trông nhờ vào người cho công việc mau xong. Nhưng viên Cầm-y thị-vệ kia nào đã phải là người hoàn-toàn trung-hậu và thương người. Ra vào nơi cung-khuyết, hầu cận các bậc đế-vương, những người thị-vệ có lòng nhân hậu thương người chẳng nữa, thì cũng chỉ là cái « lòng nhân đàn bà », còn cầu-cạnh đề tiến thân vẫn là mục-đích của bọn họ, cho nên không một dịp may nào là họ bỏ lỡ. Huống hồ Mạc Đương-Dung lúc ấy, lừng-lẫy rực-rỡ, thiên hạ sợ oai, bao nhiêu những kẻ quan cao chức lớn còn phải xụp-phụ cầu thân, kẻ chi đến Trịnh-Hồng, một chức thường trong nội, mà mong ở hắn một lòng nghĩa-hiệp lớn-lao.

Được biết Liên-Tường tiểu-thư là bậc nhan-sắc tuyệt vời, tài ba lỗi lạc, lại gặp bước truân-chiến như thế, hắn tính nhắm ngay trong bụng :

« — Nếu vậy hay ta lợi dụng luôn người này nói dối là em ta đem dâng Mạc-vương, chắc rằng ngài sẽ mười mươi ưng nhận, và ta sẽ được tin yêu và trọng dụng rồi

sẽ tìm kế lừa chiêu cứu cho cha nàng, phúc người phúc ta, nhất cử lưỡng-tiện, thực là kế vạn toàn. Ta chỉ cần khéo dỗ cho cô em bằng lòng là được. Nhưng làm gì mà chả bằng lòng. Vừa cứu được cha, vừa lên bậc bà, còn mong gì hơn nữa...»

Nghĩ thế, nhưng hần không dám nói thẳng với Liên-Tường. Hai vợ chồng hần khôn-ngoaan khéo dẫn đo lòng nàng, đem những chuyện con gái đời xưa để xa-xôi ướm thử. Thấy nàng khẳng-khăng khen-phục những người tiết-lệ, và chí nàng lại rất quả-quyết, hần càng thêm băn-khoăn ngại khó cho mưu kế của mình, đã mấy lần hần chực nói rõ với nàng mà ngập-ngừng lại thôi.

Rồi một hôm, sau khi Liên-Tường đã ở được vài ngày. Trịnh Hồng ở trong Nội về báo nàng rằng :

— Cái án của lệnh-tôn rất khó gỡ, tôi đã xem hết cả hồ sơ và các sổ tấu rồi. Tội bạn-rghịch này to lắm, không khéo thì đến « *Chu-di tam tộc* » ..

Liên-Tường ngay thật kêu lên :

— Giờ ơi ! Nếu thế thì nguy to, xin đại-quan thương tình tìm hết cách cứu gỡ cho !

Trịnh-Hồng tươi cười tiếp :

— Tiều-thư chớ vội lo ! hạ-quan sẽ hết sức giúp lệnh-tôn và tiều-thư. Hạ-quan muốn diện-trần với Mạc-vương, nhưng sợ ngài nghi, chỉ có một kế này may có thể cứu được, chẳng hay tiều-thư có chịu nghe theo không ?

Liên-Tường run sợ thực-thà nói :

— Đại-quan có lòng thương mà cứu được cho cha tiện-tý, trừ ra những việc bại-tết ô-danh, còn thì dầu phải tan xương nát thịt, kẻ tiện-tý này cũng xin cam chịu, để theo lời đại-quan truyền bảo.

Trịnh-Hồng nghĩ thầm :

— Ta chực dùng làm mỹ-nhân kế, mà nàng lại nói không chịu bại-tết ô-danh, thì còn ăn thua gì ? Nhưng ta cứ làm, đến lúc đó không nghe không được !

Nghĩ vậy, rồi Trịnh-Hồng làm ra vẻ nghiêm-ngộ nói với Liên-Tường rằng :

— Bây giờ ta phải tòng quyền, không nên câu-nệ. Hiện nay trong Vương-phủ đương cần một vị Nữ-phó (2) để dạy các Quận-chúa học, tiều-thư là người có học-lực có thể ứng tuyển được, hạ-quan muốn tiến cử, nhưng e Mạc-vương nghi là thỉnh-thác cho người khác chẳng. Chỉ bằng tiều-thư tạm hạ mình nhận làm em đệ hạ-quan tiến cử vào Phủ, tất là Mạc-vương phải trọng-dụng, rồi đó tiều-thư ở trong, hạ-quan ở ngoài, hai đảng ta cùng tìm cách lừa chiêu nói với Mạc-vương, cứu cho lệnh-tôn, tất là phải được, chẳng hay tiều-thư nghĩ có nên chẳng ?

Liên-Tường tiều-thư nghe nói, trong bụng cũng có ý ngờ, ngần ngại chưa dám giả nhờ ra làm sao, thì Trịnh-Hồng lại giục :

— Việc cần kíp, tiều-thư nên nghĩ mau đi, được hay không để hạ-quan còn vào bẩm với Mạc-vương, kéo người khác người ta tranh mất lại lỡ dịp. Mà đợi lâu, hạ-quan e cái án của lệnh-tôn sẽ đem *chiếu luật nhập hình* (3) mất. Lúc ấy dầu có muốn cứu lại bằng cách nào đi nữa cũng đến chịu !

Đương nóng ruột muốn cứu cha, lại thêm lo-sợ vì lời nói của Trịnh-Hồng, Liên-Tường không kịp nghĩ xa gần nữa, đành sứt-sùi thưa :

— Bẩm đại-quan đã nghĩ cho chu-đáo như thế, tiện-tý lẽ nào không tuân tôn-ý. Chỉ xin đại-quan cố sức chu toàn cho gia-nghiêm.

— Đều đó bắt tất tiều-thư phải bãi.

Được lời như cỏi tấm lòng, Trịnh-Hồng giả nhờ như vậy rồi vội-vàng lại sắp sửa cẩn thận ăn vận rất chỉnh-tề, giở vào Vương-Phủ, xin vào yết-kiến riêng. Thấy tên cận-thần của mình cầu cạnh, Mạc-vương ưng cho vào ngay và hỏi rằng :

— Trịnh-Hồng, nhà người có việc cơ-mật gì muốn nói với ta ?

Trịnh-Hồng khúm-núm lấy ở dưới sân và tâu rằng :

— Trăm lạy Đại-vương, tiều-thần vốn mộ uy-đức đại-vương, mong được đem tài khuyển-mã mà hầu hạ dưới trướng, nhưng hồ-trướng thâm-nghiêm, không được-thời-thường bài-kiến, nay tiều-thần có gia-muội tên gọi Trịnh-Liên, tuổi vừa hai chín, nhan sắc tuy tầm thường, nhưng thuở nhỏ có người tướng-sĩ xem qua bảo sau nay tất đại-quý, Tin như vậy, nên tiều-thần không hiềm đường-đột, xin tiến nạp vào Vương-phủ làm cung-nữ hầu hạ đại-vương. Cúi xin Đại-vương thương tình thu dụng cho, cả nhà kẻ tiều-thần sẽ được ơn nhờ phúc-trạch.

Mạc-Đặng-Dung vốn không phải là người hiểu sắc, nhưng thấy Trịnh-Hồng thực lòng nạp muội, cho là duyên giới đưa lại, liền vui vẻ ưng nhận. Mạc-vương tươi-cười nói :

— Nhà người ăn ở với ta trung hậu quá, ta biết đền công thế nào cho xứng !

Trịnh-Hồng khép-nép thưa :

— Trăm lạy Đại-vương. Đại-vương chuần y cho là vạn phúc cho hạ thần rồi !

Còn nữa

CHU-THIÊN

1/ Tiện nội là người nói chỉ vào vợ mình.

2/ Nữ phó là bậc nữ-lưu vào cung dạy học.

3/ Theo luật xử tội.

Những ông nghề triều Lê

Tiếp theo trang 4

« Trước kia nếu chẳng phải đứng Thánh-thượng hết đạo làm quân-sư, thân đem quyền-hành chế-tác, thì thành sao được cái chí đời trước, làm đủ sao được những việc đứng Tiên - thánh chưa làm? Con thánh cháu thần, trông theo ý thịnh, quí-mô rộng xa, trăm đời có thể biết: học trò mà được dự vào bia đá này, tuy đã sắp từ-dã cõi trần, song cũng có người trung kẻ tà, người thực kẻ dối, việc làm cũng có người được kẻ hồng, người phải kẻ trái, nói công nhiên nghìn năm không ai giấu được. Nay những người làm quan, chính nên nghĩ đời trước kén bầy, ơn ngày nay được vẻ-vang, nên làm cho tiết muôn đường xa, hầu không hổ thẹn. Đề cho những kẻ hậu-tiến, võ tay khắc bia này, liếc mắt nhìn văn này, cũng biết là cách thánh-triều khuyến - khích, mà tìm sự-tích danh-thực của những bậc tiền-bối, chọn những người nào phải theo mà bắt-chước, chớ đề đời sau nghị-luận đến đời nay, cũng như ngày nay nghị-luận đến đời xưa, như thế thì là một điều hay trong những sự hay. Kính chép.

« Trung - trình đại-phu Hàn-lâm-việc-thị-độc, kiêm Đông-các đại học-sĩ Đỗ Nhuận phụng sắc sao. Cần sự long-trung-thư giám-chính-tự Nguyễn Tùng phụng sắc thư. Mậu-lâm-lang kim - quang môn đãi-chiếu Tô Ngại phụng sắc triện.

« Bia dựng ngày rằm tháng tám năm Hồng đức thứ mười lăm (1484). »

(Còn nữa)

Ứng Họa NGUYỄN VĂN-TỐ

Sách mới

Bản-chí tiếp được và xin giới-thiệu :

1. *Thăng cư Sô*, tiểu-thuyết của Ng. đức Quỳnh, dày ngót 200 trang, bìa hai màu, giá 0p.80.

2. *Gan dạ đàn-bã*, tiểu-thuyết trinh-thám của B. H. P., quyển thứ hai trong loại « Truyện giải-trí », dày 140 trang giá 0p.40. Hai quyển trên đều do nhà Hàn-thuyên, 71 phố Tiêm-Tsin Hanoi, xuất bản.

3. *Mẹo chữ Hán* do Bùi trình Khiêm soạn, hiệu sách Đông-tây, 195 phố Hàng Bông, xuất-bản, giá 0p.35.

Quyển này rất cần cho những người học chữ Hán.

4. *Phụ-nữ thể-thao* của Đào phi Phụng, tựa của Bùi đình Tịnh, bìa nhiều màu và tranh vẽ của Nguyễn Khanh. Sách dày 52 trang, giá 1p.25.

5. *Phép nói ngựa* của Thù-y Nguyễn trọng-Trữ, giá 0p.30.

6. *Nói về sữa* của E. Amio, giá 0p.12. Hai quyển trên đều do Khoa-Học Phổ-Thông ở Saigon xuất-bản.

7. *Vérité sur les combattants* của Jean-Labusquière.

Tác giả kể lại những trận Pháp-Đức đánh nhau và lòng dũng-cảm của người lính Pháp.

8. *Documents*

Hai quyển trên đều do phủ Toàn-quyền xuất bản. Không bán.

9. *Trắng xanh huyền-hoặc*, tiểu-thuyết của Trọng-Miên.

Sách in đẹp, giấy 150 trang, giá 0p.60.

10. *Bóng người ngày xưa*, tiểu-thuyết của Thanh-Châu.

Sách in đẹp, giấy 143 trang, giá 60. Hai quyển này đều do Đông-phương ở Saigon xuất-bản.

11. *Truyện Đức Khổng-Tử* của Đặng Ngọc-Anh và Đoàn Trung-Côn, do Tri-Đức tông-thơ ở Saigon xuất bản, dày hơn 100 trang, giá 1p.00.

12. *Tân Nam Lịch* (1942), do Imprimerie de Hanoi xuất-bản. *Tân Nam Lịch* có nói nhiều điều cần thiết như: cách tính ngày tháng dương-lịch ra âm-lịch, âm-lịch ra dương-lịch, nói rõ số thuế mình phải chịu, cách làm giấy báo tin hiếu hi, cách trị các bệnh nguy-cấp, cách tránh sự phạt của Thương-chính, chấn-hung nghề nông, những điều thường-thức hàng ngày, cách làm văn-tự văn-khế không sai lầm, luật kết hôn của nước ta, cách làm chúc thư, địa-vị đàn bà đối với pháp-luật, những việc gì đàn bà làm pháp-luật bắt xin phép chồng, thế-lệ một cái vé xe lửa khứ hồi. Sách dày 142 trang, giá 0p.50.

13. *Việt-Nam văn học* (Tập thứ nhất) văn học đời Lý — của Ngô tất Tố, do nhà Mai Lĩnh xuất bản, sách dày 127 trang, giấy đẹp. Văn-đề văn-học là một môn cần khảo-cứu. Quyển Việt Nam văn học ra đời sẽ giúp tài-liệu cho những nhà muốn khảo-cứu về văn học, một công cuộc mà bản chí cũng đang tiến hành.

Xin cảm ơn các nhà xuất-bản và các tác-giả.

NGÀY TẾT, NGÂM THƠ

không gì bằng ngâm quyền :

NÉT MÚ'C TÌNH

Của Tuyết-Huy Dương-Bá-Trạc

Bao nhiêu nỗi bâng khuâng từ khi lìa nhà đến những cảnh tình sao xuyến bởi tấm lòng thương nước như vẽ rõ trong hơn trăm bài thơ đủ các lối — Sách in giấy bouffant.

Giá 0p 30 — Cước 0p 06

do hiệu sách Đông-Tây xuất-bản

195. PHỐ HÀNG BÔNG — HANOI